

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT
TỈNH BÌNH THUẬN**



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH**

TRUNG TÂM THIỆN CHÍ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN
GIAI ĐOẠN III (2010-2014)**



Đức Linh, tháng 9/2014

MỤC LỤC

	Trang
Phần 1: Kết quả thực hiện chương trình giai đoạn 3	2
A/ Bối cảnh thực hiện.....	2
B/ Kết quả thực hiện 5 năm.....	3
I/ Nông nghiệp.....	3
1. Trồng trọt	3
2. Thú y.....	6
II/ Trường học	9
1. Chương trình sức khỏe và hỗ trợ trường học	9
1.1. Mẫu giáo	9
a. Chương trình hô hấp cấp mẫu giáo	9
b. Chương trình nha khoa mẫu giáo	10
1.2. Tiểu học	11
a. Chương trình “Hành động vì trái đất”	11
b. Chương trình việt dã-học bổng	11
c. Chương trình tủ sách thư viện.....	12
d. Chương trình giáo dục hòa nhập.....	12
e. Chương trình khám mắt.....	17
g. Chương trình nha khoa sức khỏe	19
2. Chương trình giáo dục giới tính và kỹ năng sống cho học sinh THCS	22
3. Chương trình vì tính	22
III. CỘNG ĐỒNG	23
1. Kinh tế.....	23
a. Chương trình vay vốn hộ khó khăn.....	23
b. Chương trình tiết kiệm tín dụng	24
c. Chương trình tạo việc làm.....	24
2. Y tế.....	26
a. Chương trình hỗ trợ bệnh cho hộ khó khăn.....	26
b. Chương trình 31-5 “Nói không với thuốc lá”	27
c. Chương trình tâm mừng	27
d. Chương trình tập huấn sức khỏe cộng đồng.....	28
3. Môi trường.....	28
a. Chương trình vệ sinh môi trường.....	28
b. Trồng cây.....	28
4. Xã hội	29
Chương trình Quyền phụ nữ	29
C/ Kết luận và đề nghị.....	30
Phần 2: Kinh phí thực hiện giai đoạn 3	31
Phần 3: Nguồn thu từ cộng đồng	35
Phần 4: Kinh phí giai đoạn 4.....	36
Bảng kết quả thực hiện chương trình 5 năm	40
Bảng kết quả thực hiện mô hình chăn nuôi, trồng trọt	47

Phần 1: Kết quả thực hiện chương trình giai đoạn 3

A/ Bối cảnh thực hiện

Dự án Phát triển cộng đồng huyện Đức Linh giai đoạn 3 được thực hiện trong bối cảnh nhà nước có nhiều chính sách phát triển như chiến lược xây dựng nông thôn mới. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh, tỷ lệ hộ nghèo huyện Đức Linh là 7.86% , so với năm 2008 là 8.24%. Cũng như trên thế giới và trong nước có nhiều biến động trong quá trình phát triển kinh tế ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế gia đình trong đó là sự thay đổi kết cấu cây trồng; hoạt động hỗ trợ duy trì việc làm cho chị em phụ nữ cũng gặp khó khăn về đầu ra.

Trung tâm Thiện Chí là một tổ chức phát triển cộng đồng. Trung tâm hướng đến một xã hội công bằng, bình đẳng và trong đó, người dân nghèo sẽ nhìn thấy những vấn đề cản trở sự phát triển của địa phương và khuyến khích người dân tham gia gắn bó, hợp lực cùng nhau vượt khó nhằm nâng cao đời sống của cộng đồng.

Đánh giá chung: Báo cáo tổng kết dự án Phát triển cộng đồng giai đoạn 3 được đánh giá từ tháng 01/2010 đến tháng 06/2014 do chuẩn bị ký kết dự án giai đoạn 4. Vì vậy, một số hoạt động 6 tháng cuối năm 2014 không đánh giá trong báo cáo này. Dự án giai đoạn 3 có những thuận lợi và khó khăn như sau:

a. Những thuận lợi:

- Được sự chấp thuận của UBND Tỉnh Bình Thuận về dự án Phát triển cộng đồng huyện Đức Linh giai đoạn 3 (2010-2014).
- UBND Huyện, Ban Quản lý dự án, Công an huyện và Ban điều hành các xã/thị trấn đã thực hiện tốt các hoạt động dự án vượt so với kế hoạch kinh phí là 271.9% tương đương kinh phí đạt là **9.964.585.900/3.664.210.000/ đồng**.
- Các chương trình của dự án giai đoạn 3 đã đáp ứng được các nhu cầu cho người nghèo nên đạt được kết quả như sau:
 - + Thu nhập của người dân nghèo trong 5 năm được **tăng lên 20%** thông qua khảo sát của dự án bằng các hoạt động hỗ trợ vốn vay, can thiệp và thúc đẩy năng lực của cộng đồng để khắc phục khó khăn.
 - + **2.857 em học sinh nghèo được nhận học bổng trong 4 năm góp phần giúp các em tiếp tục đến trường và giảm khó khăn cho gia đình.**
 - + **110 trường hợp được hỗ trợ khám chữa bệnh, 30 trường hợp hỗ trợ bảo hiểm y tế, 144 trường hợp được hỗ trợ thuốc suyễn hàng tháng, đã tổ chức 17 đoàn với 255 người được khám bệnh phụ khoa và suyễn góp phần giảm nghèo cho các hộ khó khăn không lâm vào cảnh vay nặng lãi để chữa bệnh; có sức khỏe để lao động phát triển kinh tế gia đình.**

Comment [BK1]: 9.964.585.900
3.664.210.000 R

Comment [BK2]: Trong 5 năm? R

- ✦ Môi trường sống và sức khỏe của cộng đồng được cải thiện khi họ chủ động xây dựng 587 hố xí hợp vệ sinh, xây dựng 52 hệ thống xử lý nước phèn xã Đa Kai, Mê Pu, Sùng Nhơn và Trà Tân và xây dựng 215 hệ thống biogas.
- ✦ 11.659 nông dân tham gia 382 lớp tập huấn được trang bị các kiến thức về chăm sóc cây trồng và vật nuôi; 243 hộ dân được hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm, trình diễn giúp tăng năng suất và thu nhập của gia đình.
- ✦ Tiêm ngừa cho 1.377 con gia súc và 12.831 gia cầm. Trong thời gian qua, số lượng gà vịt bị bệnh nhiều hơn nên người dân có nhu cầu điều trị bệnh cho gia cầm cao. 2.482 con gia cầm và 460 con gia súc được điều trị từ năm 2010 đến tháng 6/2014.
- ✦ Tỷ lệ học sinh được khám sơ bộ đạt từ 98-100% trong giai đoạn 2010-2013. 2% số lượng các em không tham gia khám do các em bệnh trong ngày khám. Số lượng học sinh khó khăn về mắt chiếm tỷ lệ trung bình là 8.3% trong 4 năm học. Tỷ lệ trung bình học sinh được gia đình quan tâm đưa đi khám mắt tại bệnh viện chuyên khoa Mắt – TP.HCM khoảng 20%.
- ✦ 16.319 phụ nữ và phụ huynh trẻ Mầm Non-Mẫu Giáo tại cộng đồng được nâng cao kiến thức và hình thành kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình.
- ✦ Trẻ em khuyết tật được hỗ trợ, can thiệp để hòa nhập cộng đồng tại 7 trường tiểu học có số lượng học sinh khuyết tật cao.

Comment [**S**3]: Đã sửa lại dưới dạng kết quả theo góp ý của BK

- Cộng đồng tham gia và tự nguyện về tinh thần và kinh phí tham gia chương trình khám mắt, tẩy giun định kỳ cho học sinh tiểu học.
- Đáp ứng được phần nào mục tiêu xây dựng nông thôn mới của Chính phủ như hỗ trợ cộng đồng làm đường nông thôn, cải thiện vệ sinh môi trường, hỗ trợ vốn và việc làm tăng thu nhập.
- Đảm bảo được an ninh trật tự, an toàn trong việc tiếp khách nước ngoài đến thăm và kiểm tra hoạt động của dự án từ các nhà tài trợ.
- Tổ chức Mê Kông Plus vẫn đảm bảo được nguồn tài trợ đúng tiến độ cho hoạt động dự án.
- Công ty Mền Bông Mê Kông đã tạo điều kiện để duy trì số lượng nhân công có việc làm tại địa phương.

b. Khó khăn:

- Khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế của Việt Nam. Các chương trình hỗ trợ việc làm cho cộng đồng gặp rất nhiều khó khăn, sản phẩm bán chậm, chi phí đầu tư cho việc thuê cửa hàng, văn phòng cao. Chất lượng sản phẩm đòi hỏi tinh xảo hơn vì vậy chi phí tập huấn cho nhóm viên cũng tăng để đáp ứng

nhu cầu của khách hàng. Công việc làm cho các chị em may mắn có phần giảm sút vì những lý do nêu trên.

- Giá sản phẩm nông nghiệp bấp bênh, dịch bệnh xảy ra nhiều trong chăn nuôi đã làm ảnh hưởng rất lớn cho các hộ khó khăn trong việc phát triển kinh tế.
- Thời tiết thay đổi thất thường làm cho nông dân gặp nhiều rủi ro trong trồng trọt, hộ nghèo cũng bị ảnh hưởng.

Mặc dù với nhiều khó khăn nhưng do nhu cầu từ cộng đồng và được sự chấp thuận của Ban Quản Lý dự án, sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ, Trung tâm đã thực hiện thêm các chương trình như chương trình Quyền phụ nữ, hỗ trợ hệ thống lọc nước phèn, hồ hấp cấp tính.

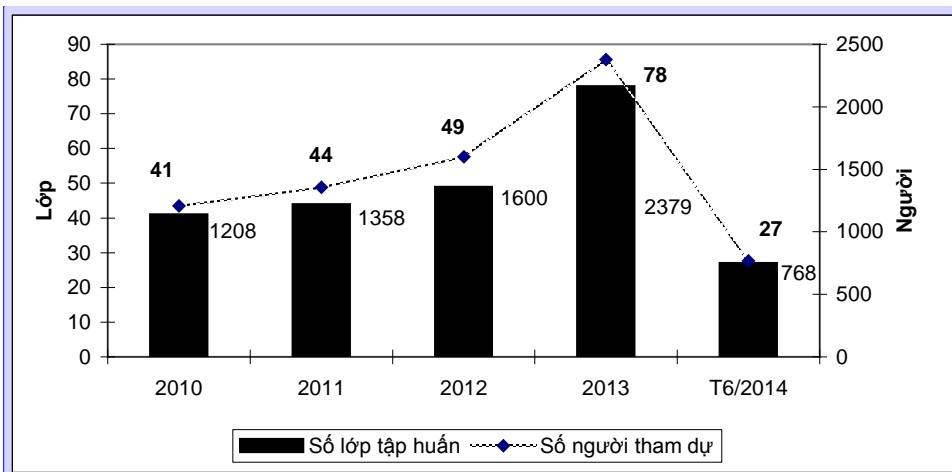
B/ Kết quả hoạt động 5 năm

I. NÔNG NGHIỆP

Chương trình nông nghiệp được thực hiện dựa trên chiến lược xây dựng nông thôn mới của huyện và phối hợp với Hội Nông dân huyện và Trạm thú y huyện triển khai các mô hình và ứng dụng các kỹ thuật chăm sóc cây trồng vật nuôi với những giống cây trồng phù hợp với thổ dưỡng và khí hậu, quan tâm đến các cây trồng, vật nuôi chủ đạo.

1. Trồng trọt

Đến tháng 6/2014, Trung tâm đã tập huấn 239 lớp với 7.313 nông dân tham gia trên toàn huyện, đạt 159% so với kế hoạch với các chủ đề như kỹ thuật chăm sóc điều trong giai đoạn kinh doanh, phòng ngừa ốc bươu vàng, bệnh hại trên lúa, kỹ thuật chăm sóc cây mì ngăn ngừa bệnh chồi rồng, kỹ thuật trồng và phòng ngừa bệnh trên cây bắp, kỹ thuật sử dụng nấm Trichoderma trên cây tiêu, phòng ngừa sâu bệnh hại trên cây tiêu, kỹ thuật ủ vôi cà phê để làm phân bón hữu cơ.



Biểu đồ thể hiện tập huấn trồng trọt trong 5 năm

Trung tâm đã phối hợp với Hội Nông dân huyện tổ chức hội thi “ Cán bộ hội nông dân cơ sở giỏi” 2 năm tổ chức 1 lần trong giai đoạn 3 tính đến thời điểm tháng 6 năm 2014 đã tổ chức được 2 lần “ hội thi nông dân” vào năm 2011 và năm 2013 với 2.790 nông dân của 11 xã tham dự . Thông qua hội thi đã góp phần truyền thông cho người dân biết thêm những quy định, chính sách về sản xuất nông nghiệp cũng như những kiến thức cơ bản về nông nghiệp để áp dụng đúng trong chăn nuôi và trồng trọt của hộ nông dân.

Bên cạnh hoạt động nâng cao kiến thức cho nông dân, Trung tâm đã thực hiện các mô hình thí điểm, mô hình trình diễn cho các hộ nông dân nhằm ứng dụng các kỹ thuật mới trong trồng trọt tăng năng suất cây trồng và giảm sâu bệnh như sản xuất nấm xanh diệt rầy nâu của trường Đại học Cần Thơ, thí điểm sử dụng nấm xanh trên lúa để phòng bệnh rầy nâu, sử dụng nấm đối kháng Trichoderma trên cây tiêu giúp tiêu sinh trưởng tốt, sử dụng chế phẩm Morshap ngăn ngừa bệnh chồi rồng trên cây mì, sử dụng chế phẩm sinh học Dasvila và nấm Trichoderma trên lúa giúp lúa dễ dàng phân hủy phân lân trong đất và hút đạm từ thiên nhiên, giúp cho nông dân giảm chi phí đầu tư, Thí điểm thâm canh và cải tạo vườn cà phê, điều tăng năng suất cho cây điều ở giai đoạn kinh doanh, ủ vỏ cà phê sau thu hoạch để làm phân hữu cơ bón lại cho cây, mô hình khổ qua sử dụng chế phẩm sinh học Vizubon-D để diệt ruồi đục quả và tăng năng suất , mít nghệ nhằm tăng thêm loại cây mới cho vùng Trung tâm đã thực hiện 120/42 hộ làm mô hình thí điểm, trình diễn đạt 285% so với kế hoạch. Các mô hình nông dân đều áp dụng có hiệu quả cho cây trồng, chỉ có mô hình sản xuất Nấm Xanh diệt rầy nâu trên ruộng lúa của trường Đại Học Cần Thơ là ứng dụng không hiệu quả vì thời tiết không thuận lợi trong khi làm mô hình. Tuy nhiên, nông dân chưa hoàn toàn thay đổi trong sản xuất là sử dụng chế phẩm sinh học, nấm và phân hữu cơ thay thế cho phân bón hóa học.

(Kết quả thực hiện các mô hình xin xem trang 47)

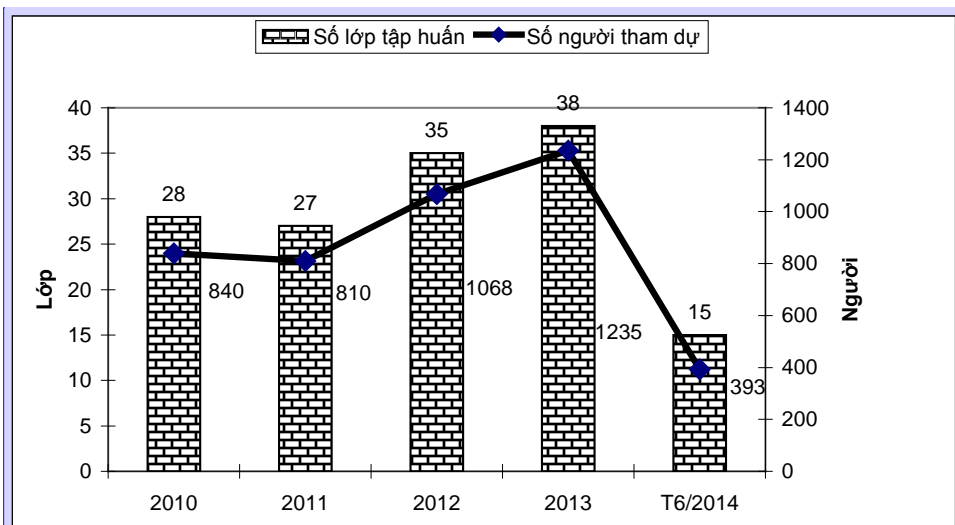
Sau khi thực hiện thí điểm, trình diễn các mô hình thành công với phương pháp kỹ thuật mới phù hợp với địa phương, Trung tâm đã tổ chức 7 hội thảo với 237 nông dân tham dự đạt 35% so với kế hoạch. Các hội thảo chỉ tập trung được vào các cây trồng chủ lực của địa phương như cải tạo vườn cà phê tại xã Đức Hạnh, Mê Pu, ủ vỏ cà phê sau thu hoạch để làm phân sinh học bón lại cho cây bằng nấm Trichoderma tại xã Đức Hạnh, Trà Tân, mô hình khổ qua tại xã Đức Tín, thâm canh cây mì bằng chế phẩm Morshap ngăn ngừa bệnh chồi rồng tại xã Trà Tân, Đông Hà, Đức Tín, đậu xanh xen mì tại xã Đức Tín, sử dụng chế phẩm sinh học Dasvila và nấm Trichoderma trên cây lúa tại xã Mê Pu, sử dụng nấm Trichoderma trên cây tiêu tại xã Đức Hạnh, Đa Kai. Hội thảo chưa đạt mục tiêu (20 hội thảo) do một số mô hình thử nghiệm giống mới như mít nghệ, nấm xanh diệt rầy nâu trên lúa không mang lại hiệu quả cao cho nông

dân. Ngoài ra còn một số mô hình có kết quả về kinh tế nhưng không tổ chức được hội thảo vì thời tiết xảy ra lụt và bão làm cho lúa và khô qua bị ngã nên hội thảo không đạt mục tiêu.

Hoạt động thăm quan mô hình được tổ chức dựa trên nhu cầu của nông dân để họ tiếp cận với kỹ thuật mới vào trồng trọt tránh bệnh tật cho cây trồng, áp dụng mô hình có hiệu quả để phát triển kinh tế, Trung tâm đã tổ chức 3 đợt thăm quan trong huyện và 1 đợt ngoài huyện với 103 nông dân tham gia thăm quan mô hình mô hình ủ vò cà phê tại xã Tà Púra huyện Tánh Linh vào tháng 8 năm 2010; mô hình nấm xanh tại Xã Bắc Ruộng huyện Tánh Linh vào tháng 9 năm 2010, mô hình sản xuất nấm xanh tại 1 nông hộ và phun nấm trên đồng ruộng tại xã Mê Pu vào tháng 10 năm 2010 và tham quan học hỏi kinh nghiệm về chăm sóc cây măng cầu và Ôi Đài Loan tại huyện Dương Minh Châu tỉnh Tây Ninh vào tháng 11 năm 2012.

2. Thú y

Chương trình thú y cũng tập trung vào nâng cao kiến thức cho nông dân khi họ tham gia các lớp tập huấn chăn nuôi do Trung tâm tổ chức với các chủ đề như chăn nuôi gà ta thả vườn, heo nái sinh sản, ủ men vi sinh NN1 thức ăn cho heo, đệm lót sinh học trong chăn nuôi heo, gà. Đến tháng 6/2014 có 4.346 nông dân đã tham gia 143 lớp, đạt 143%.



Biểu đồ thể hiện kết quả tập huấn thú y

Trung tâm đã triển khai nhiều mô hình chăn nuôi nhỏ cho các hộ khó khăn tham gia chương trình vay vốn góp phần phòng chống bệnh trên gia súc, gia cầm và tăng thu nhập cho hộ nông dân. Theo kế hoạch dự kiến thực hiện 25 hộ làm mô hình chăn nuôi. Kết quả thực tế sau 5 năm đã triển khai 112 hộ làm mô hình đạt 448%. Các mô hình như gà ta thả vườn, vịt siêu thịt, vịt xiêm thịt, bò câu Pháp, thỏ sinh sản, đệm lót trên

Comment [**<S>5**]: Đã sửa đến tháng 6/2014.

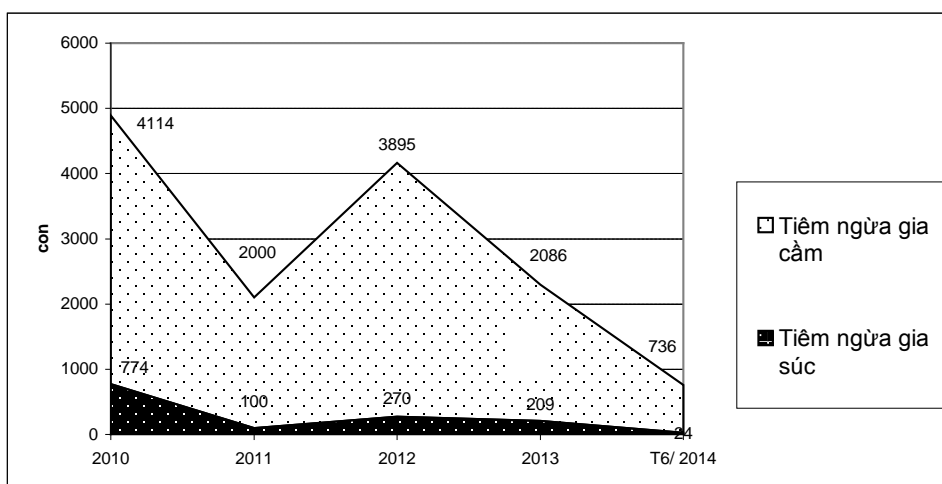
gà, ủ thức ăn lên men bằng chế phẩm sinh học NN1 cho heo, heo nái sinh sản, máy ấp trứng. Kết quả thực tế cho thấy mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cho các hộ vẫn là gà ta thả vườn và heo. Mô hình bò câu Pháp không mang lại hiệu quả vì rất khó bán, Giai đoạn tiếp theo Trung tâm tập trung vào hướng dẫn cho các hộ tự tiêm ngừa được trên gia cầm và khuyến khích nông dân chăn nuôi gà, heo nhỏ sử dụng nguyên liệu của địa phương để giảm chi phí.

(Kết quả thực hiện các mô hình xin xem trang 52)

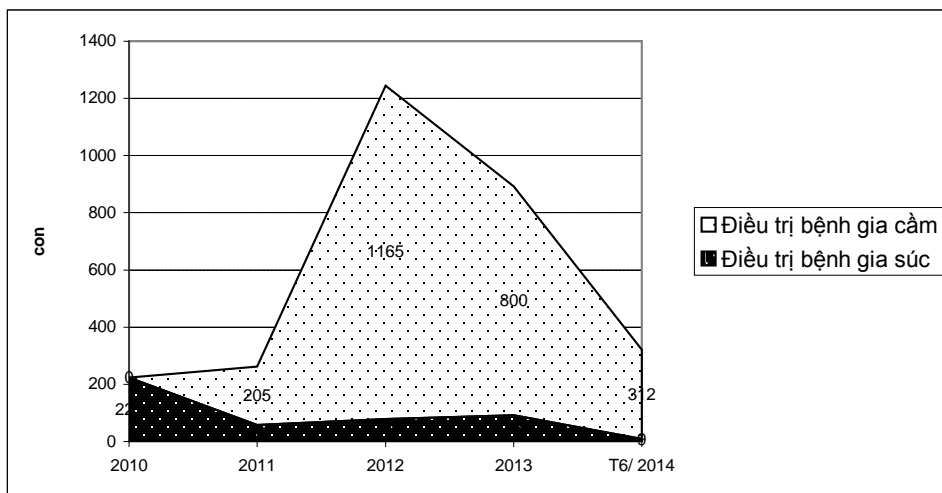
Hoạt động hội thảo mô hình chăn nuôi đã được triển khai tại xã Đa Kai, Vũ Hòa, Sùng Nhơn, Đức Hạnh với 224 người dân tham gia về các nội dung như kỹ thuật nuôi vịt xiêm thịt, gà thả vườn, máy ấp trứng và độn lót sinh học cho gà. Chỉ đạt 50% so với mục tiêu do một số mô hình như bò câu Pháp, vịt siêu thịt không đạt hiệu quả về kinh tế, một số mô hình như gà Ai cập, gà sao không thực hiện được theo kế hoạch vì kinh phí đầu tư cao và không có thị trường tiêu thụ nên chưa đạt.

Trung tâm đã thực hiện 4/10 đợt tham quan đạt 40% cho 77 nông dân tham quan các mô hình tại địa phương như chăn nuôi gà ta thả vườn và bò câu Pháp tại thị trấn Võ Xu và xã Sùng Nhơn và mô hình nuôi gà Ai Cập và lò ấp trứng tại huyện Tánh Linh, mô hình gà sao tại tỉnh Đồng Nai. Không đạt mục tiêu do hạn chế trong việc tìm các mô hình chăn nuôi mới phù hợp tại địa phương hoặc nhân viên Trung tâm đã đi tiền trạm các mô hình ở địa phương khác nhưng nhận thấy không có đầu ra nên không tổ chức cho nông dân tham quan.

Để bổ sung kiến thức về chăn nuôi cho cộng tác viên thú y, Trung tâm đã phối hợp với Trạm thú y huyện Đức Linh tổ chức hội thi thú y liên huyện có 32 cộng tác viên thú y huyện Hàm Thuận Nam, Tánh Linh và Đức Linh tham gia. Trong hội thi, người tham gia được kiểm tra kiến thức cơ bản và thực hành trực tiếp trên vật nuôi.



Biểu đồ thể hiện kết quả tiêm ngừa trên gia súc, gia cầm.



Biểu đồ thể hiện kết quả điều trị bệnh trên gia súc, gia cầm.

Hoạt động tiêm ngừa và điều trị trên gia súc và gia cầm đã được thực hiện thường xuyên theo nhu cầu người dân và tình hình dịch bệnh. Trung tâm đã tập trung tiêm ngừa trên gà, vịt nhiều hơn trên heo. Tiêm ngừa gia súc cho 1.377 con, đạt 46% trong khi số gia cầm được tiêm ngừa là 12.831 con, đạt 641% so với kế hoạch. Trong thời gian qua, số lượng gà vịt bị bệnh nhiều hơn nên người dân có nhu cầu điều trị bệnh cho gia cầm cao. 2.482 con gia cầm và 460 con gia súc được điều trị từ năm 2010 đến tháng 6/2014.

Chương trình nông nghiệp tập trung nâng cao năng lực cho nông dân qua hoạt động trang bị kiến thức chăm sóc cây trồng và vật nuôi và ứng dụng các kiến thức đã học được thay đổi thái độ để áp dụng kiến thức mới thực hiện mô hình kinh tế tăng thu nhập gia đình. Nhìn chung hoạt động tập huấn và thực hiện mô hình vượt mục tiêu trong khi các hoạt động hội thảo và thăm quan mô hình chưa đạt.

Chương trình nông nghiệp đã góp phần tạo ra mô hình với những kỹ thuật chăm sóc mới cho nông dân ứng dụng tăng thu nhập. Về chăn nuôi, hộ tham gia đã nắm được kỹ thuật chăm sóc và tiêm ngừa cho heo, gà, vịt mà trước đây họ chưa thực hiện được. Mô hình gà ta thả vườn được người dân quan tâm nên thực hiện mở rộng trên địa bàn dân cư. Ngoài ra, hộ tham gia các buổi tập huấn đã học hỏi trao đổi nắm bắt thông tin kỹ thuật áp dụng cho gia đình và chia sẻ cho cộng đồng.

Trong quá trình thực hiện, hoạt động nông nghiệp của Trung tâm nhận được sự hỗ trợ của Ban quản lý dự án và các phòng ban có liên quan. Nông dân làm mô hình chịu học hỏi và ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong chăn nuôi và trồng trọt. Nguồn nhân lực và lao động tại địa phương dồi dào thuận lợi cho việc triển khai các mô hình nhỏ cho hộ gia đình. Tuy nhiên, có một số hộ do do ảnh hưởng giá cả thị trường, chăm sóc và nuôi dưỡng chưa được tốt nên hiệu quả kinh tế lời từ mô hình còn thấp.

Thời tiết không thuận lợi cũng góp phần hạn chế việc triển khai mô hình nhân rộng và hội thảo.

II. TRƯỜNG HỌC

Các chương trình thực hiện tại trường học nhằm giúp học sinh được cải thiện sức khỏe và giáo dục thông qua chương trình sức khỏe và hỗ trợ trường học tại mẫu giáo và tiểu học; chương trình giáo dục kỹ năng sống và giới tính cho học sinh Trung học cơ sở và chương trình vi tính.

1. Chương trình sức khỏe và hỗ trợ trường học

1.1. Mẫu giáo

a. Chương trình hô hấp cấp mẫu giáo

Chương trình hô hấp cấp tính được thực hiện từ năm 2010, ban đầu chỉ có 16 trường tham gia đến nay đã tăng lên 22 trường. Từ những hoạt động sơ khai ban đầu là tập huấn hô hấp cấp cho giáo viên dần dần có nhiều hoạt động được triển khai hơn như tập huấn cho phụ huynh, tổ chức hội thi cho phụ huynh, diễn kịch tuyên truyền trong quần chúng cho đến tập huấn hen suyễn cho nhân viên, giáo viên. Mỗi hoạt động đã đạt được những kết quả nhất định đồng thời có những tác động tích cực đến các đối tượng hưởng lợi.

Nhằm mục đích trang bị cho phụ huynh học sinh những kiến thức cơ bản về bệnh hô hấp cấp, trong năm 2010 phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đức Linh Dự án đã tổ chức tập huấn cho 1.373 phụ huynh tại 16 trường mầm non, mẫu giáo trong toàn huyện. Thông qua các lớp tập huấn phần nào phụ huynh nắm rõ hơn về bệnh hô hấp cấp đồng thời có được những kiến thức cơ bản trong việc phòng bệnh hô hấp cấp cho trẻ.

Để củng cố lại kiến thức của phụ huynh về bệnh viêm phổi ở trẻ và biết cách chăm sóc sức khỏe cho con em tốt hơn. Từ năm học 2011-2012, Trung tâm đã phối hợp với Ban giám hiệu các trường tổ chức hội thi kiến thức về bệnh hô hấp cho phụ huynh. Kết thúc giai đoạn 5 năm (2010 -6/2014) đã có 2018 phụ huynh/ 22 trường mầm non, mẫu giáo được tham gia hội thi tìm hiểu về bệnh hô hấp. Đây là cơ hội để phụ huynh ôn lại những kiến thức đã được học trước đó, đồng thời cũng là dịp để học thêm những kiến thức mới từ đó giúp cho họ vững vàng hơn trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng con em mình.

Trung tâm đã phối hợp với các trường tổ chức kịch tuyên truyền về bệnh hô hấp và tay chân miệng đến cộng đồng địa phương thông qua các đợt diễn văn nghệ tại các trường. Hoạt động này được triển khai từ cuối năm 2012 tại trường mẫu giáo ĐaKai 2. Cho đến nay đã tổ chức được 8 đợt diễn kịch trên 8 trường. Từ những vở kịch về các bệnh như hen suyễn, viêm phổi, cảm cúm,... người dân có cơ hội học hỏi được nhiều

kiến thức trong việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ và gia đình, đồng thời đây cũng là cơ hội tác động đến nhận thức của người dân trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

Tháng 3 năm 2013, dự án đã mời bác sĩ Lê Bá Quang – chuyên khoa hô hấp bệnh viện An Sinh- Thành phố Hồ Chí Minh tập huấn cho 24 nhân viên của dự án về phát hiện và quản lý bệnh hen suyễn. Thông qua lớp tập huấn này toàn bộ nhân viên đã nắm rõ được những kiến thức cơ bản về bệnh hen suyễn. Đây chính là hành trang góp phần giúp họ vững vàng hơn khi làm việc với cộng đồng, đặc biệt với những người dân đã và có nguy cơ mắc bệnh hen suyễn.

Phối hợp với Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Đức Linh từ ngày 16/11 đến ngày 15/12/2013 Trung tâm Thiện Chí triển khai lớp tập huấn về phát hiện bệnh hen suyễn cho 329 giáo viên, Ban giám hiệu các trường. Đây là một hoạt động có ý nghĩa nhằm cung cấp cho các cô một số kiến thức cơ bản về bệnh hen phế quản, qua đó giúp các cô làm tốt hơn công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ, đồng thời tuyên truyền rộng rãi cho các bậc phụ huynh.

b. Chương trình nha khoa mẫu giáo

Trung tâm Hỗ trợ & Phát triển cộng đồng Thiện Chí phối hợp với Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Đức Linh thực hiện chương trình Sức khỏe và hỗ trợ trường Mầm Non nhằm hướng đến mục đích sức khỏe vệ sinh răng miệng cho trẻ mầm non, mẫu giáo ngày càng được nâng cao qua tập huấn cho giáo viên và phụ huynh. Chương trình được khởi động từ năm 2010 với sự tham gia của 22 trường mầm non, mẫu giáo trong toàn huyện. Cho đến nay nhiều hoạt động đã được triển khai và đạt được những hiệu quả nhất định.

Trung tâm đã tập huấn 13 lớp cho 534 giáo viên (đạt 331%) của 22 trường mầm non, mẫu giáo trong huyện về kiến thức Nha khoa căn bản và phương pháp giáo dục chủ động. Thông qua lớp tập huấn này các cô được trang bị những kiến thức cơ bản về Nha khoa đồng thời được tìm hiểu và thực hành về phương pháp giáo dục chủ động. Đây là những tiền đề cơ bản giúp các cô tiếp nhận và thực hiện chương trình.

Từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2014 đã tổ chức tập huấn cho 1.494 phụ huynh với chủ đề chăm sóc răng miệng. Lớp tập huấn đem lại cho phụ huynh nhiều kiến thức bổ ích về chăm sóc sức khỏe răng miệng như nguyên nhân gây sâu răng, cách phòng ngừa và điều trị. Nhiều phụ huynh sau khi được tập huấn đã bày tỏ niềm vui vì từ đây họ biết cách chăm sóc và bảo vệ sức khỏe răng miệng cho con em mình.

Bên cạnh hoạt động hỗ trợ kiến thức, Trung tâm đã hỗ trợ cung cấp các dụng cụ dạy cơ bản và hỗ trợ xây dựng các công trình phụ trong trường học nhằm chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Tính đến tháng 6/2014 dự án đã hỗ trợ 15 nhà vệ sinh cho các trường: Mẫu giáo Đakai 1, Đakai 2, Sùng Nhơn, Mê Pu 2, Võ Xu 2, Võ Xu 1, Đức Chính, Đức Tài, Đức Tín, Trà Tân, Đông Hà, Tuổi Ngọc. Nhằm tạo sân chơi thoáng

mát cho trẻ trong những năm qua dự án đã tiến hành hỗ trợ làm mái che cho các trường có nhu cầu với mức hỗ trợ từ 30% đến 50%. Tính đến nay có 14 mái che, 4 sân trường và 13 bồn nước được dự án hỗ trợ cho các trường. Nhờ đó, khuôn viên vui chơi của trẻ ngày càng được sạch sẽ hơn, đảm bảo sức khỏe của trẻ.

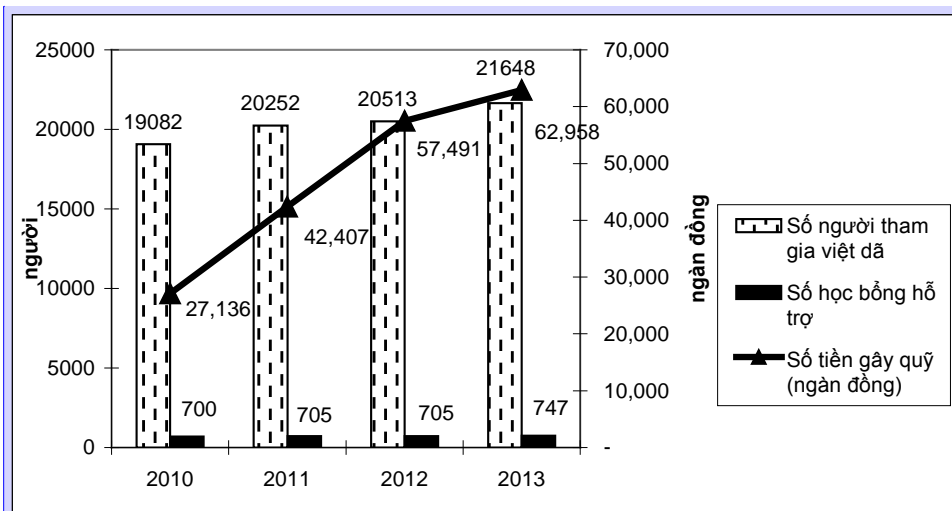
1.2. Tiểu học

a. Chương trình “Hành động vì trái đất”

Chương trình này nhằm tái sử dụng lại nilong để giảm ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người thông qua hoạt động thu gom nilong tại trường học. Chương trình chỉ thực hiện trong năm học 2009-2010 với 34/46 trường tham gia với 37.288 kilogam được thu gom để tái chế. Sau đó, chương trình này không được tiếp tục thực hiện vì giá nilong giảm và không có người mua.

b. Chương trình việt dã-học bổng

Chương trình học bổng được thực hiện hàng năm đã tạo điều kiện cho các em học sinh nghèo có tiền để đóng học phí đầu năm học. Chương trình này được thực hiện trên 2 thị trấn và 9 xã thuộc các cấp tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và mở rộng Tân sinh viên. Theo kế hoạch hàng năm có 500 học sinh nghèo được hỗ trợ học bổng và 11.000 người tham gia ngày hội học bổng gây quỹ vì học sinh nghèo.



Biểu đồ thể hiện số lượng người tham gia việt dã và số lượng học bổng cấp hàng năm

Số lượng người tham gia giải việt dã gây quỹ học bổng cho học sinh nghèo tăng dần theo mỗi năm học. Năm học 2010 có 19082 người tham dự nhưng đến năm 2013 đã có 21.648 người tham gia chạy góp quỹ. Số lượng tiền gây quỹ được là 189.992.700 đồng. Theo kế hoạch hàng năm, Trung tâm Thiện Chí hỗ trợ 500 suất học bổng từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng/1 suất. Tổng số học sinh được nhận học bổng trong 4 năm là 2.857 em, bao gồm học bổng cho các em tân sinh viên nghèo. Năm

Comment [**S**>6]: Đã thêm số tiền khuyến góp

2014 chưa triển khai vì chưa đến thời gian thực hiện. Tuy nhiên, đến tháng 6/2014, số lượng người chạy đạt 148% và số suất học bổng cấp hàng năm đạt 130% đã vượt chỉ tiêu đề ra do Ban quản lý huyện đến Ban điều hành xã/thị trấn và ngành Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện đạt hiệu quả chương trình này.

c. Chương trình tủ sách thư viện

Với mục đích giúp học sinh được tăng kiến thức khi tham gia đọc sách tại thư viện nên Trung tâm đã thực hiện chương trình đối ứng sách cho các trường có nhu cầu. Tổng số trường hỗ trợ trong 5 năm là 26 trường. Phương thức hỗ trợ như sau:

- Trường tiểu học: hỗ trợ tối đa 1,5 triệu/năm học.
- Trường THCS: hỗ trợ tối đa 3 triệu/năm học.

Tổng số tiền hỗ trợ là 47,351,300 đồng. Chương trình được thực hiện từ năm 2009 đến năm 2012 và ngưng không thực hiện tiếp tục vì số lượng sách tại trường nhiều, trường không có đủ không gian để mở rộng thư viện và không có nhu cầu.

d. Chương trình giáo dục hòa nhập

Mục tiêu của chương trình hướng đến trẻ em khuyết tật từ 6 đến 15 tuổi tại huyện Đức Linh hòa nhập với gia đình và cộng đồng thông qua các hoạt động của chương trình giáo dục hòa nhập tại bậc tiểu học và dạy học tại nhà.

Kết quả mong đợi 1: Hệ thống mạng lưới cán bộ, giáo viên, nhân viên và cộng tác viên được nâng cao năng lực làm việc với trẻ khuyết tật.

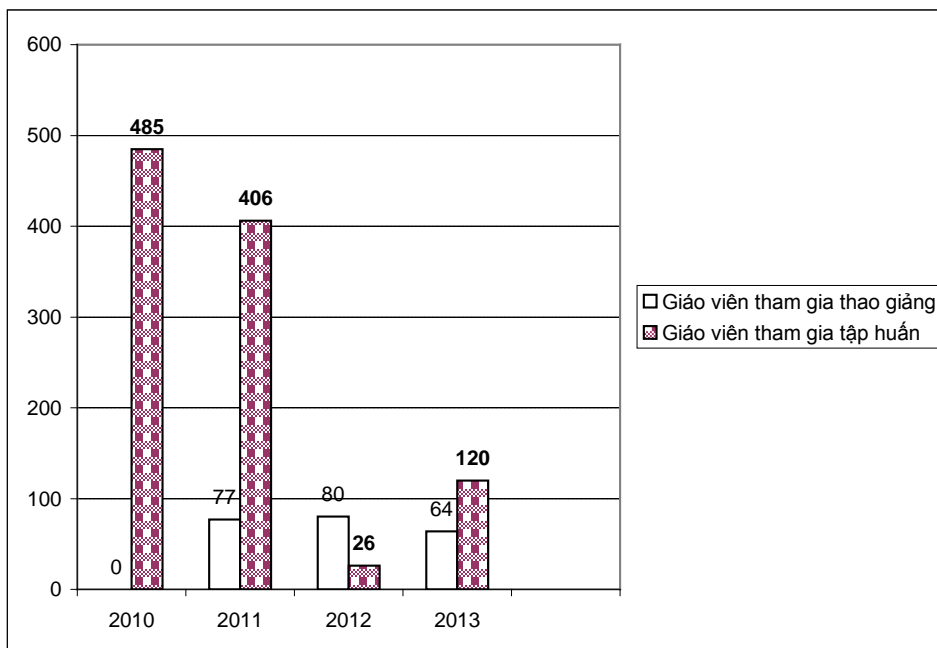
Theo kế hoạch, chương trình giáo dục hòa nhập thực hiện từ năm 2009-2014 và mở rộng thực hiện trên 10 trường. Kết quả thực hiện 7/10 trường do số lượng trẻ không đáp ứng đủ chỉ tiêu trẻ tham gia chương trình (từ 7 trẻ trở lên) và một số trường có số lượng trẻ phù hợp nhưng chưa quan tâm tham gia.

Hệ thống mạng lưới quản lý chương trình được xây dựng và hoạt động hiệu quả. Tại trường học, giáo viên, gia đình và trẻ có sự trao đổi chia sẻ trong quá trình dạy trẻ học hòa nhập. Ngoài ra, tại cộng đồng, Trung tâm Thiện Chí xây dựng nhóm cộng tác viên hỗ trợ trong quá trình khảo sát và cung cấp thông tin kịp thời đến dự án.

Để nâng cao năng lực cho nhân viên dự án và nhóm tập huấn viên Phòng GD&ĐT huyện Đức Linh, Trung tâm Thiện Chí đã mời các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực trẻ khuyết tật (bao gồm chuyên gia tại Việt Nam và chuyên gia nước ngoài) tập huấn 9/7 chủ đề như lập kế hoạch giáo dục cá nhân, phương pháp dạy trẻ khó học, trẻ bị vận động, giao tiếp bằng tranh, bắt nạt, phương pháp dạy và làm dụng cụ môn toán, kỹ năng xã hội, quản lý hành vi và kỹ năng sống độc lập. Ngoài ra, nhân viên dự án được đào tạo thêm chủ đề phương pháp dạy trẻ học tại nhà để mở rộng chương trình học tập cộng đồng. Nhóm tập huấn viên đã được trang bị những kiến thức mới hỗ trợ cơ bản cho bản thân và ứng dụng kiến thức đã học để tập huấn lại cho giáo viên tại các trường tham gia chương trình hiệu quả.

100% giáo viên 7 trường tham gia chương trình được tập huấn nâng cao năng lực với các chủ đề như kỹ năng lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật, phương pháp dạy trẻ khó học, phương pháp làm dụng cụ môn toán, môn tiếng việt, quản lý hành vi, kỹ năng ứng phó với bắt nạt, kỹ năng xã hội và lớp nâng cao kỹ năng viết kế hoạch giáo dục cá nhân. Đạt 8/7 lớp so với mục tiêu. Trung tâm Thiện Chí đã tổ chức lớp đào tạo kỹ năng quản lý phòng tập và kỹ năng sống cho nhân viên phụ trách phòng tập các trường tham gia. Trong 5 năm thực hiện, có 1.037 lượt giáo viên được tập huấn (đạt 65%). Tỷ lệ chưa đạt do số trường tham gia giảm hàng năm nên số lượng giáo viên tham gia giảm. Giáo viên đã ứng dụng các kiến thức đã học vào dạy hòa nhập cho học sinh, thể hiện rõ nhất trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân, phương pháp dạy hòa nhập và kỹ năng sống.

Nhằm nâng cao kỹ năng giảng dạy hòa nhập và kỹ năng dạy kỹ năng sống cho học sinh cũng như trong việc chia sẻ kinh nghiệm giữa giáo viên các trường tham gia chương trình, theo kế hoạch từ năm thứ 3, Trung tâm đã phối hợp với Phòng GD&ĐT huyện Đức Linh tổ chức thao giảng cụm vào tháng 11 mỗi năm học. Tổng số lượt giáo viên tham gia chương trình 221 lượt cán bộ, giáo viên tham dự. Cuối buổi hội thảo, các thành viên tham gia đóng góp ý kiến xây dựng tiết dạy dựa trên biểu mẫu đã được xây dựng. Hoạt động này đã thu hút nhiều giáo viên các trường tham gia. Theo kế hoạch hội thảo sẽ tổ chức 2lần/1 năm học nhưng do các trường không có thời gian nên đã thực hiện 1 lần/1 năm học.



Biểu đồ thể hiện số giáo viên tham gia thao giảng cụm và tập huấn theo mỗi năm

Hoạt động tổ chức hội thi cho giáo viên phụ trách phòng tập không thực hiện vì nhà trường thường xuyên thay đổi nhân sự quản lý phòng tập, nhân viên phụ trách là cán bộ chuyên trách chưa trải qua kỹ năng giảng dạy nên chỉ tập trung quản lý phòng tập.

Hội thi kỹ năng làm dụng cụ dạy hòa nhập cũng không triển khai do giáo viên đã được trang bị làm dụng cụ qua 2 khóa tập huấn và nhiều dụng cụ được lưu lại trong phòng tập để dạy cho các em học sinh.

Chương trình giáo dục hòa nhập được lượng giá hàng năm thông qua 2 đợt giám sát/ 1 năm học và kết quả giám sát được trao đổi chi tiết với mỗi trường và trong tổng kết chương trình hàng năm.

Kết quả mong đợi 2: Trẻ khuyết tật được hòa nhập vào môi trường giáo dục tiểu học.

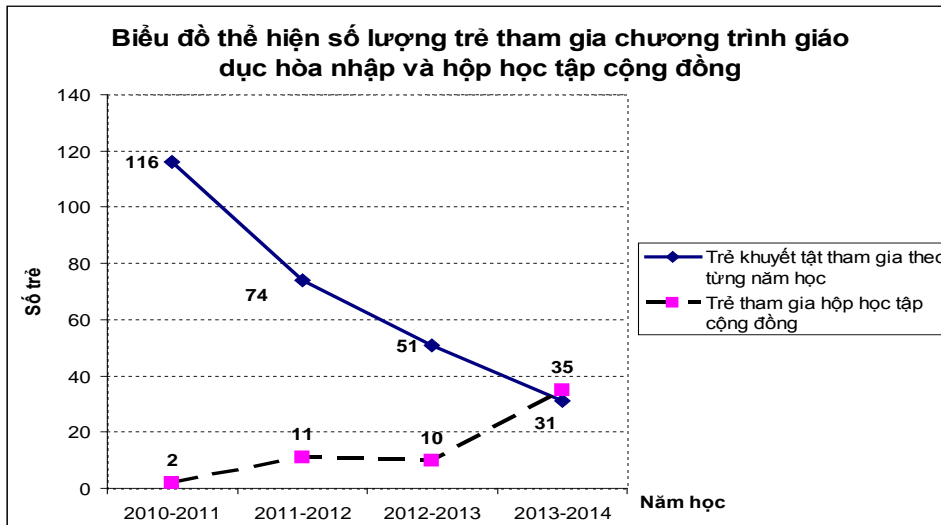
Số lượng trẻ khuyết tật tham gia chương trình hàng năm giảm dần. Năm 2010 có 116 em tham gia cho đến hiện nay còn 31 em với 90% trẻ có khó khăn về học, 10% còn lại thuộc các dạng tật như vận động, khó khăn về mắt, tự kỷ, rối loạn hành vi. Nguyên nhân số lượng trẻ tham gia chương trình giảm là do 1/7 trường ngưng không tham gia chương trình vì lý do không có phòng tập, 2/7 trường ngưng do số lượng trẻ không đủ quy định, trẻ kết thúc bậc tiểu học đông và một số trẻ thoát khỏi khuyết tật do các em có sự tiến bộ trong học tập.

Trước khi thực hiện chương trình tại trường, các trẻ đã được đánh giá chức năng bởi nhân viên trung tâm. Hàng năm, cộng tác viên dự án và nhân viên đến thăm gia đình để tìm hiểu việc học của trẻ cũng như hỗ trợ phát triển kinh tế, khám bệnh cho các trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

100% giáo viên lập và theo dõi kế hoạch cá nhân cho 100% học sinh khuyết tật tham gia chương trình. Mỗi kế hoạch cá nhân đều được Ban giám hiệu theo dõi, kiểm tra mỗi học kỳ. Bên cạnh đó, trường học cũng được ban giám sát góp ý về xây dựng kế hoạch cá nhân qua các đợt giám sát. Hiện nay, kỹ năng lập kế hoạch giáo dục cho mỗi em đã ổn định và được nâng cao, nhất là sau khóa tập huấn nâng cao kỹ năng viết kế hoạch cá nhân cho 120 giáo viên tham gia chương trình vào năm học 2012-2013.

Trong 7 trường tham gia chương trình có 5 trường được Trung tâm Thiện Chí hỗ trợ dụng cụ, trang thiết bị phòng tập (10 triệu/1 phòng), chiếm tỷ lệ 71.4% chưa đạt so với mục tiêu là 90%. Trường còn lại không có phòng tập vì không có phòng để xây dựng. Các trường này vẫn duy trì hoạt động dạy hòa nhập tại lớp cho các em học sinh khuyết tật. Tại phòng tập, các em được giáo viên dạy kỹ năng sống và hỗ trợ học tập và đồng thời được sinh hoạt vui chơi. Khi đến phòng tập, các em cảm thấy vui vẻ và tiếp thu kiến thức tốt hơn. Qua đánh giá cho thấy, những trẻ tham gia sinh hoạt phòng tập tự tin và phát triển tốt hơn những trẻ tại các trường không có phòng tập. Giáo viên

đây tại phòng tập được trả lương theo tiết dạy. Tiền lương có được do đối ứng tiền giữa Trung tâm Thiện Chí và trường qua gây quỹ từ tổ chức sự kiện ngoài trời.



Biểu đồ thể hiện trẻ khuyết tật hòa nhập và chương trình hộp học tập cộng đồng.

Trong năm học 2010-2011, với sự tư vấn của tình nguyện viên chương trình giáo dục hòa nhập, chương trình hộp học tập cộng đồng bắt đầu được xây dựng và phát triển nhanh số lượng trẻ tham gia. Chương trình mong đợi trẻ khuyết tật đến trường và không có khả năng đến trường được dạy học tại nhà. Trung tâm Thiện Chí đến gia đình và hướng dẫn cho cha mẹ dạy con học. Kết quả cho thấy các em có sự tiến bộ rõ ràng khi được cha mẹ dạy học tận tình và dành nhiều thời gian dạy các em. Sự tiến bộ đó thể hiện trong khả năng giao tiếp, đọc và viết chữ, làm được toán học cơ bản như so sánh, cộng trừ và phép nhân. Chúng tôi tiếp tục thực hiện chương trình này vì có sự tác động hiệu quả đến sự phát triển của các em học sinh với phương pháp dạy sử dụng hình ảnh, phương pháp lặp lại và dạy trên sự hiểu biết của các em.

Kết quả mong đợi 3: Trẻ khuyết tật được hỗ trợ các dịch vụ sức khỏe.

Trẻ khuyết tật được hỗ trợ các dịch vụ sức khỏe thông qua hỗ trợ khám bệnh cho các em có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ mua bảo hiểm y tế và tai nạn cho tất cả các em học sinh khuyết tật. Tính đến thời điểm hiện nay, Trung tâm Thiện Chí đã hỗ trợ 14 trường hợp trẻ khó khăn về mắt, viêm tai, dị ứng da, vá lỗ khí quản và bại não. Hỗ trợ mua bảo hiểm tai nạn và y tế cho 94 em.

Bên cạnh đó, Trung tâm Thiện Chí đã hỗ trợ nhà vệ sinh và hệ thống nước lọc phèn cho những gia đình có trẻ khuyết tật thuộc hộ khó khăn của Trung tâm.

Kết quả mong đợi 4: Cộng đồng thay đổi thái độ nhận thức.

Tháng 12 năm 2008, Trung tâm Thiện Chí tổ chức cho cán bộ dự án, cán bộ Phòng GD&ĐT huyện Đức Linh thăm quan Trung tâm Giáo dục giáo dục hòa nhập

Vĩnh Long và Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyên thăm quan đã thay đổi cái nhìn về người khuyết tật nơi người tham gia và đồng thời áp dụng những hình thức phù hợp để thực hiện chương trình tại địa phương.

Chương trình giáo dục hòa nhập đã được giới thiệu trong cuộc họp tổng kết huyện hàng năm. Ngoài ra, để tăng sự hiểu biết của cộng đồng về chương trình, Trung tâm đã phối hợp với các trường có phòng tập tổ chức 5 sự kiện ngoài trời gây quỹ và truyền thông các hoạt động trong cộng đồng. Sự kiện ngoài trời là ngày hội cho trẻ khuyết tật tham gia miễn phí các trò chơi và cộng đồng đã có cái nhìn mới về chương trình giáo dục hòa nhập khi họ góp quỹ ủng hộ chương trình.

Trung tâm đã phối hợp với trường tổ chức hội thảo phụ huynh có trẻ học hòa nhập mỗi năm học. Tính đến thời điểm hiện nay, Trung tâm đã tổ chức 16 hội thảo phụ huynh có 348 lượt người tham dự. Trong buổi hội thảo, phụ huynh và giáo viên đã trình bày tình hình học tập của các em và đồng thời nêu lên những trách nhiệm cần thực hiện giữa các bên để hỗ trợ các em học tập và sức khỏe. Bên cạnh đó, Trung tâm Thiện Chí đã tập huấn cho phụ huynh về kỹ năng giao tiếp với con, phương pháp dạy con học tại nhà, giao tiếp bằng tranh cho trẻ khó khăn về nói và tư vấn các trường hợp có rối loạn hành vi và bị bệnh.

Với sự thành công 2 trường hợp học tập cộng đồng, Trung tâm Thiện Chí đã tổ chức 2 hội thảo Giới thiệu chương trình Học tập cộng đồng và Quyền trẻ khuyết tật có 70 người tham dự. Trong buổi hội thảo, người tham dự được lắng nghe sự chia sẻ những trường hợp dạy con tiến bộ và những khó khăn đã trải qua để đạt được kết quả. Đồng thời có thêm kiến thức mới về quyền trẻ khuyết tật. Hội thảo đã xây dựng được mạng lưới chương trình trong cộng đồng và tạo sự tin tưởng phụ huynh ở Trung tâm Thiện Chí.

Trường hợp những trẻ trong lứa tuổi từ 14 trở lên, Trung tâm đã có những tư vấn cho gia đình để các em có thể làm những việc các em thích sau này có nghề nghiệp chăm lo cho bản thân. Ví dụ như trường hợp của em Lâm Hồ Lực (thôn 7, xã Sùng Nhơn) sau thời gian can thiệp, em đã đọc và viết được chữ nên hiện nay Trung tâm đang dạy vi tính cho em.

Chương trình giáo dục hòa nhập đã thực hiện các hoạt động tác động đến trẻ khuyết tật, gia đình, trường học và xây dựng được mạng lưới kết nối hoạt động hiệu quả. Học sinh đã có sự tiến bộ về mặt kỹ năng xã hội và học tập. Trường học đã chấp nhận trẻ khuyết tật tham gia học hòa nhập. Phụ huynh đã quan tâm hơn đến con mình như sẵn sàng đưa con đến trường tham gia học hòa nhập, chấp nhận những khiếm khuyết của con và sẵn sàng dạy con học với phương pháp phù hợp, tham gia hội thảo đầy đủ và sẵn sàng chia sẻ khó khăn của con mình và tìm cách thay đổi. Trường hợp của em Nguyễn Thị Nghĩa, thôn 9 xã Đức Tín, hiện nay em đang học lớp 6 và được

tiếp tục Trung tâm Thiện Chí dạy học tại nhà ở mức độ tiểu học. Cộng đồng đã thay đổi nhận thức khi tham gia ủng hộ sự kiện ngoài trời gây quỹ cho chương trình giáo dục hòa nhập.

Bên cạnh đó, số lượng trẻ tham gia chương trình tại các trường ngày càng giảm do số học sinh kết thúc chương trình học tiểu học tăng và một số em vượt khỏi dạng khó học. Tính đến tháng 04/2014, có 31 học sinh khó học tham gia chương trình. Vì vậy, số trường tham gia chương trình sẽ giảm trong năm học 2014-2015 và một số phòng tập sẽ ngừng hoạt động.

Trong khi đó, học sinh trong lứa tuổi tiểu học có khó khăn về học trên toàn huyện còn nhiều. Để đáp ứng nguyện vọng của phụ huynh học sinh, đồng thời giúp học sinh phát triển hơn trong học tập và kỹ năng sống, chương trình Hộ học tập cộng đồng đã mở rộng triển khai trên 35 trường hợp tại xã/thị trấn Mê Pu, Sùng Nhơn, Võ Xu, Đức Tín, Đức Hạnh và Trà Tân. Trung tâm Thiện Chí hỗ trợ phương pháp, dụng cụ dạy và phụ huynh trực tiếp dạy con học hàng tuần có sự theo dõi và đánh giá thường xuyên. Trong tương lai, Trung tâm sẽ hướng đến can thiệp sớm cho các em trong độ tuổi mẫu giáo.

e. Chương trình khám mắt

Chương trình khám mắt nhằm để học sinh được hỗ trợ các phương tiện trong việc chăm sóc sức khỏe thông qua các chương trình khám mắt và cộng đồng được nâng cao nhận thức trong việc chăm sóc sức khỏe.

Chương trình khám mắt được thực hiện thí điểm 8 trường vào năm học 2008-2009, sau đó chương trình được mở rộng trên toàn huyện cho 33 trường tiểu học từ năm 2009 đến nay. Chương trình nhằm phát hiện sớm các em có tật khúc xạ về mắt để can thiệp kịp thời. Đồng thời thay đổi nhận thức của phụ huynh trong việc chăm sóc sức khỏe về mắt cho con mình. Năm học 2009-2010 và năm 2010-2011, Trung tâm Thiện Chí phối hợp với Trạm y tế xã/ thị trấn khám sơ bộ cho học sinh. Năm học 2010-2011, Trung tâm Thiện Chí tập huấn cho đại diện Ban giám hiệu và nhân viên phụ trách y tế học đường về kỹ năng khám mắt sơ bộ (66 người tham gia). Năm học 2011-2012 đến năm học 2012-2013, nhân viên Trung tâm Thiện Chí phối hợp với nhân viên y tế học đường khám trực tiếp cho học sinh.

Quy trình phát hiện tật khúc xạ về mắt được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1: Khám sơ bộ tất cả các em học sinh.

Bước 2: Khám sàng lọc các em có khó khăn về mắt sau khi có kết quả khám sơ bộ để đưa các em khám chuyên khoa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bước 3: Phối hợp với nhà trường và gia đình đưa các em khó khăn về mắt đi khám tại bệnh viện Mắt - Điện Biên Phủ.

Bước 4: Cấp kính và hỗ trợ cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Qua kết quả 4 năm học thực hiện cho thấy cứ 2 năm học thì số lượng học sinh có khó khăn về mắt lại tăng từ 1-2% trên tổng số học sinh được khám. Đồng thời do nguồn kinh phí khó khăn nên quyết định 2 năm khám 1 lần. Do vậy, chương trình không thực hiện trong năm học 2013-2014 và tiếp tục khám cho các em học sinh vào năm học 2014-2015.

Tỷ lệ học sinh được khám sơ bộ đạt từ 98-100% trong giai đoạn 2010-2013. 2% số lượng các em không tham gia khám do các em bệnh trong ngày khám. Số lượng học sinh khó khăn về mắt chiếm tỷ lệ trung bình là 8.3% trong 4 năm học. Tỷ lệ trung bình học sinh được gia đình quan tâm đưa đi khám mắt tại bệnh viện chuyên khoa Mắt – TP.HCM khoảng 20%. Qua kết quả họp phụ huynh của nhà trường, số lượng học sinh khó khăn về mắt còn lại gia đình tự lo. Trung tâm Thiện Chí hỗ trợ tiền xe và tiền kính cho các em có hoàn cảnh khó khăn ở mức độ khác nhau tùy theo hoàn cảnh của gia đình.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao nhận thức của phụ huynh trong việc chăm sóc sức khỏe cho con em mình, Trung tâm Thiện Chí đã phối hợp với trường học tuyên truyền và phát 11.000 tờ rơi chương trình khám mắt cho học sinh và gia đình.

Năm học/Tỷ lệ	2009	Tỷ lệ	2010	Tỷ lệ	2011	Tỷ lệ	2012	Tỷ lệ
	-2010	%	-2011	%	-2012	%	-2013	%
Số lượng học sinh	11526		11612		11140		11137	
Số học sinh được khám sơ bộ	9880	85.72	11586	99.78	11140	100	10936	98.20
Số học sinh khó khăn về mắt	781	7.90	1041	8.98	783	7.03	1032	9.44
Số học sinh khám tại bệnh viện TP.HCM	199	2.01	150	1.29	225	2.02	147	1.34
Số học sinh đeo kính	127	1.29	108	0.93	169	1.52	112	1.02
Số học sinh được hỗ trợ kính, xe, khám	127	1.29	108	0.93	169	1.52	112	1.02

Bảng theo dõi số liệu khám mắt qua các năm thực hiện chương trình

Chương trình khám mắt đã tác động đến phụ huynh và thầy cô giáo trong việc phát hiện tật khúc xạ về mắt ở học sinh lứa tuổi tiểu học. Việc phát hiện sớm đã giúp cho các em khắc phục khả năng nhìn bằng cách đeo kính phù hợp và hạn chế tăng độ cận ở các em. Chương trình có sự hỗ trợ tiền kính và xe đã góp phần hạn chế khó khăn cho các gia đình có kinh tế khó khăn. Phần đông phụ huynh tham gia đưa con đi khám

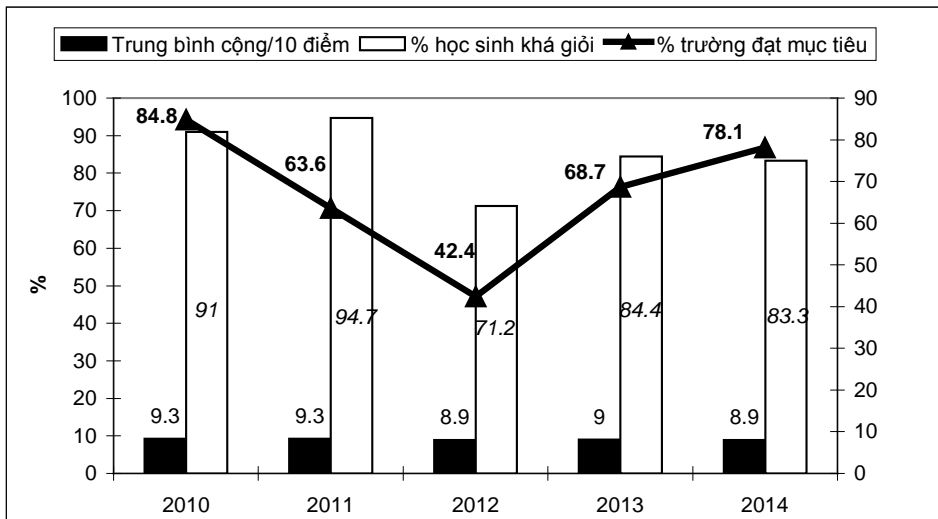
theo đoàn do Trung tâm Thiện Chí tổ chức thuộc về gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên họ có sự quan tâm nhiều đến chương trình.

Chương trình khám mắt sẽ thực hiện khám 2 năm/1 lần và tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức của phụ huynh học sinh.

g. Chương trình nha khoa sức khỏe

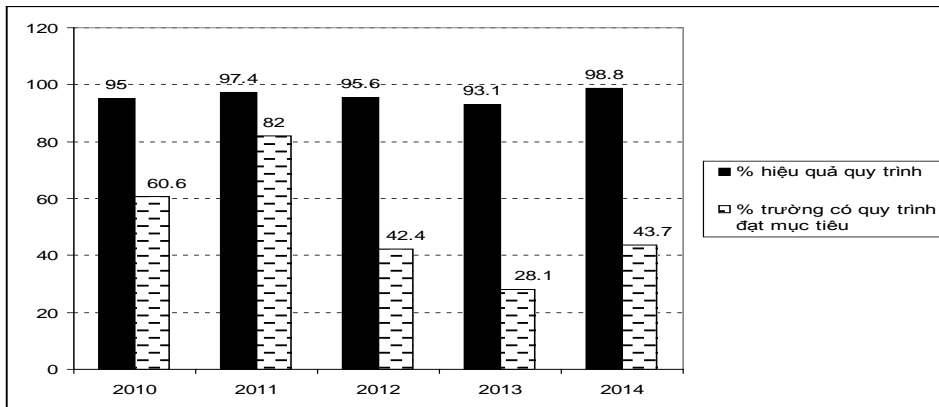
Chương trình nha khoa sức khỏe đã thực hiện gần 15 năm và đã hình thành thói quen và kỹ năng ở học sinh và giáo viên. Mục đích chương trình hướng đến học sinh tăng cường kiến thức sức khỏe và có những hành vi bảo vệ sức khỏe. Kết quả ghi nhận được đánh giá các mặt về kiến thức và hành vi.

Về **kiến thức học sinh**, giáo viên đã thực hiện dạy 4 tiết nha khoa và 4 tiết sức khỏe cho học sinh mỗi khối học với những kiến thức mang tính ứng dụng trong cuộc sống thường ngày. Điểm trung bình/10 điểm tương đối ổn định. Tỷ lệ % học sinh có kiến thức khá và giỏi giảm dần qua các năm và ảnh hưởng đến % trường đạt mục tiêu trên toàn huyện.



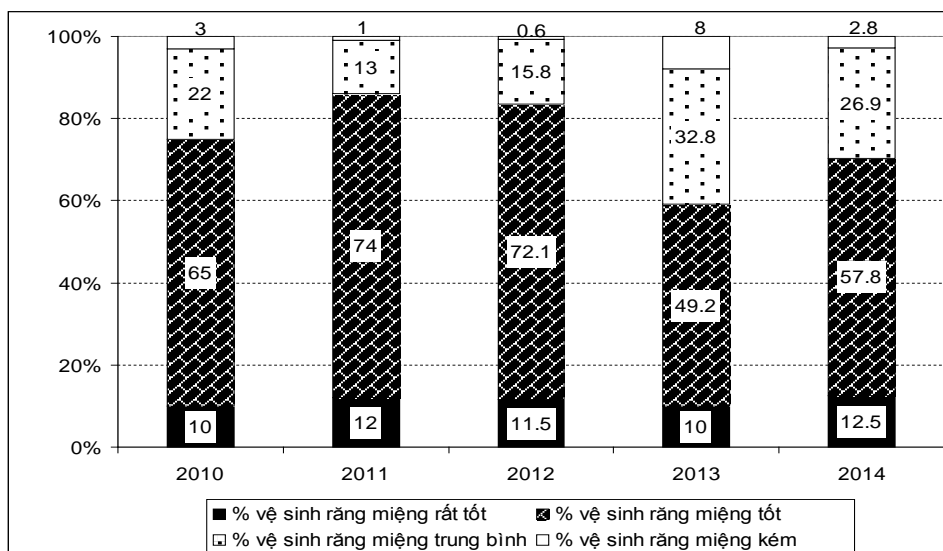
Biểu đồ thể hiện kiến thức học sinh

Về **quy trình chải răng**, để giúp các em học sinh có thói quen chải răng đúng lúc và đúng cách và ứng dụng kiến thức đã học vào thực hành, các trường thực hiện quy trình chải răng và súc miệng Fluor 1 lần/tuần theo lịch đăng ký đầu năm học. Bên cạnh đó, Trung tâm đã hỗ trợ mua dụng cụ, fluor và cung cấp eosin cho các trường có nhu cầu để tạo điều kiện thuận lợi thực hiện hoạt động này. Tỷ lệ % hiệu quả quy trình xếp loại tốt nhưng tỷ lệ % trường có quy trình đạt mục tiêu thấp và giảm dần. Do vậy, các trường cần tập trung nhiều hơn trong việc hướng dẫn và sửa sai động tác để giúp các em chải đủ lực và đảm bảo vệ sinh môi trường tránh lây nhiễm các bệnh khác do không quản lý tốt các em.



Biểu đồ thể hiện % quy trình chải răng và % trường đạt mục tiêu

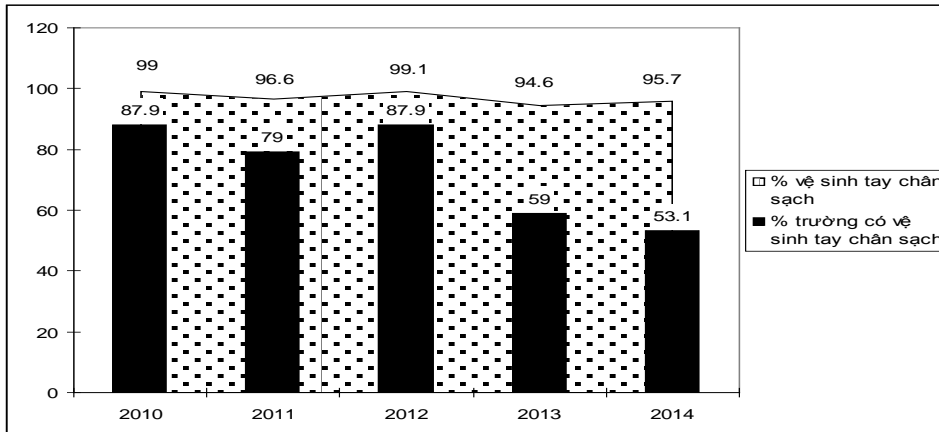
Về **vệ sinh răng miệng**, Ban giám hiệu đã chỉ đạo nhân viên y tế kiểm tra mảng bám học sinh các khối lớp theo mỗi học kì. Kết quả còn được ghi nhận qua các đợt giám sát được thực **vệ sinh răng miệng** hiện dưới hình thức chọn ngẫu nhiên 5 em nam và 5 em nữ học sinh lớp 5 vì ở lứa tuổi này các em đã mọc đủ các răng. Nhìn chung chỉ số mảng bám trong giai đoạn này xếp loại tốt. Điều này có nghĩa tình trạng vệ sinh răng miệng của học sinh sạch. Chỉ số mảng bám trung bình trong 5 năm là 0.5. Tỷ lệ % học sinh có vệ sinh răng miệng tốt và rất tốt giảm dần đặc biệt trong năm 2013. Chúng ta nhận thấy có sự khác biệt về tỷ lệ vệ sinh răng miệng giữa các năm là do thời tiết, ánh sáng không đủ, chất lượng thuốc nhuộm và kỹ thuật khám chưa đồng đều do tăng cường giám sát viên mới. % trường đạt mục tiêu trung bình 5 năm chỉ đạt 78.4%.



Biểu đồ thể hiện vệ sinh răng miệng

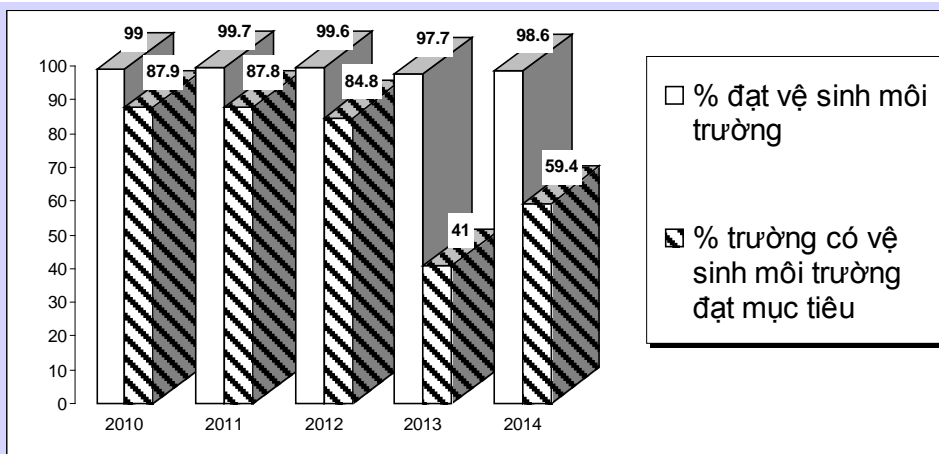
Về vệ sinh cá nhân, tỷ lệ % học sinh có vệ sinh tay chân sạch đạt từ 94.6% xếp loại tốt nhưng tỷ lệ % trường đạt so với mục tiêu thấp và giảm dần. Năm học 2012-2013 và 2013-2014 tình trạng vệ sinh tay chân sạch của học sinh giảm thấp đáng kể do đây là giai đoạn trung tâm Thiện Chí giảm dần việc can thiệp để chuyển giao chương trình cho Phòng Giáo dục và Đào Tạo huyện Đức Linh quản lý, một số trường lơ là trong việc nhắc nhở học sinh, việc đặt mục tiêu hàng năm quá cao so với kết quả thực tế.

Comment [**<S>7**]: Đã giải thích lý do tại sao năm 2013-2014 thấp.



Biểu đồ thể hiện vệ sinh tay chân học sinh sạch

Về vệ sinh môi trường, tỷ lệ % trường có vệ sinh môi trường sạch đạt từ 97.7% trở lên, nhưng tỷ lệ trường có vệ sinh môi trường đạt mục tiêu chưa đạt và giảm dần qua các năm, đặc biệt kể từ giai đoạn 2012-2013 và 2013-2014 do mục tiêu được xây dựng tăng cao 99.6% vì đây là tiêu chí phần đầu để đạt trường thân thiện, tích cực nhưng thực tế chưa làm được ở một số trường vẫn còn vệ sinh môi trường chưa sạch như rác trên sân trường, nhà vệ sinh dơ.



Biểu đồ thể hiện vệ sinh môi trường sạch

Comment [**<S>8**]: Đã ghi thêm năm trong biểu đồ và giải thích lý do.

Về **vệ sinh nước uống**, hầu hết các trường sử dụng nước uống Vĩnh hảo nên đảm bảo đủ nước và sức khỏe cho học sinh.

Về **phương pháp dạy giáo viên**, Trong giai đoạn này, phương pháp dạy của giáo viên đã ổn định. Số tiết dạy xếp loại giỏi đạt kết quả cao từ năm học 2010. Từ năm học 2010 sang năm học 2014, số lượng trường có giáo viên kỹ năng dạy tốt tăng từ 69.7% đến 90.6%. Bên cạnh đó, Trung tâm Thiện Chí phối hợp với Phòng GD&ĐT huyện Đức Linh tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi nha khoa sức khỏe cấp huyện 1 lần/2 năm học. Kết quả ghi nhận số giáo viên đạt loại giỏi cao và tăng dần theo từng năm học. Năm học 2013-2014 có 100% giáo viên đạt loại giỏi. Dù đây là một bộ môn ngoại khóa nhưng kết quả được công nhận như một bộ môn chính thức.

Bên cạnh đó, Trung tâm cũng hỗ trợ cho các trường về giếng khoan và xây dựng sân công trường tại trường tiểu học Mê Pu 2 và Đức Hạnh 1.

Nhìn chung, về kiến thức học sinh đã nắm được kiến thức nha khoa sức khỏe. Về hành vi, học sinh đã có thói quen chải răng tại nhà và tại trường, vệ sinh răng miệng của học sinh sạch.

2. Chương trình giáo dục giới tính và kỹ năng sống cho học sinh THCS

Dựa trên nhu cầu của cộng đồng, năm 2014, Trung tâm đã thực hiện thí điểm chương trình giáo dục giới tính và kỹ năng sống cho học sinh lớp 8 trường THCS Võ Đất, Đa Kai và Đông Hà. Sau các lớp tập huấn, kiến thức về giáo dục giới tính và kỹ năng sống của học sinh tăng và học sinh thay đổi thái độ để nhận thức đúng về những hành vi thiết thực cho bản thân, phòng chống bị lạm dụng tình dục.

Để nâng cao năng lực cho giáo viên, Trung tâm đã tập huấn cho 40 giáo viên về giáo dục giới tính và kỹ năng sống. Sau đó, giáo viên đã dạy các chủ đề trên cho học sinh. Kết quả đã tổ chức 21 lớp giáo dục giới tính có 567 học sinh tham gia và 21 lớp giáo dục kỹ năng sống có 489 học sinh tham gia. Số lượng học sinh tham gia đạt 75.3% và 89.9% so với tổng số học sinh trên 3 trường do một số học sinh nghỉ học do bệnh, đi nhà thờ và trời mưa. Kết quả kiến thức đạt loại khá và giỏi là 84.8% (giáo dục giới tính) và 93.3% (giáo dục kỹ năng sống).

Năm 2014 và 2015, Trung tâm tiếp tục triển khai tập huấn cho các em học sinh và mở rộng thêm 3 trường là THCS Trà Tân, Sùng Nhơn và Mê Pu.

3. Chương trình vi tính

Với mục đích học sinh được tiếp cận với công nghệ thông tin nên trong giai đoạn này số lượng trường tham gia chương trình tăng nhanh, đặc biệt từ năm học 2010-2011 đến nay. Số trường mới tham gia chương trình tập trung nhiều vào các trường tiểu học. Tính đến nay có 18 trường tham gia chương trình. Hàng năm bổ sung từ 3-5 trường mới tham gia, với 16 trường mới/ 150 bộ máy.

Theo đề nghị của Phòng GD&ĐT huyện Đức Linh và nhu cầu từ các trường, Trung tâm đã mời thầy về dạy kỹ năng cài đặt phần mềm và xử lý các lỗi cơ bản cho 8/11 giáo viên tham gia. Phần đông người tham gia khóa học là nữ nên hạn chế trong việc tiếp xúc điện nên không mở rộng lớp tập huấn tiếp theo cho các trường còn lại.

Chương trình đã góp phần giúp học sinh được tiếp cận với thông tin và qua đó có điều kiện tham gia thi giải toán trên mạng. Hiện nay, những trường đã hết hạn bảo hành đề nghị các trường tiếp tục tìm nguồn kinh phí để duy trì hoạt động dạy vi tính cho các em học sinh tại trường.

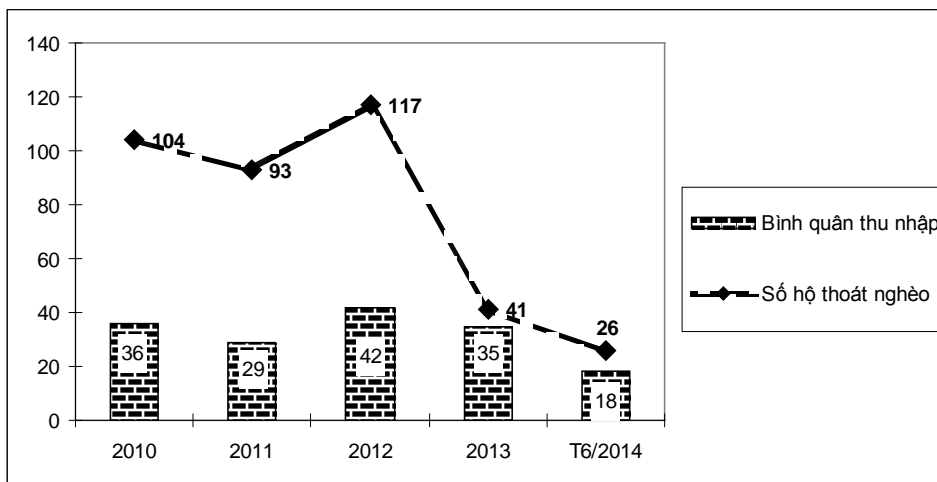
III. CỘNG ĐỒNG

Tại cộng đồng, Trung tâm thực hiện nhiều chương trình tác động trên nhiều mặt của cộng đồng bao gồm mặt kinh tế, y tế, môi trường và xã hội. Tác động trên nhiều lĩnh vực góp phần phát triển bền vững cho gia đình và góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống.

1. Kinh tế

a. Chương trình vay vốn hộ khó khăn

Chương trình hỗ trợ vốn vay nhỏ từ 1.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu thực hiện các mô hình nhỏ tăng thu nhập kinh tế gia đình. Trong 5 năm có 5.796 lượt hộ tham gia vay vốn. Tính đến tháng 6/2014, có 1.305 hộ vay vốn, trong đó có 44 hộ vay để buôn bán vé số, ve chai, 283 hộ vay để đầu tư lúa, điều, tiêu, mì, rau xanh; 65 hộ vay để nuôi heo, vịt, gà; 933 hộ vay để làm từ 2 mô hình trở lên.



Biểu đồ thể hiện bình quân thu nhập và hộ thoát nghèo hàng năm

Trong 5 năm, tổng số hộ ra chương trình với kinh tế phát triển là 374 hộ và bình quân thu nhập trung bình 5 năm là 34%. Tình hình kinh tế khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của gia đình thể hiện ở năm 2012, có 117 hộ thoát nghèo và bình

quân thu nhập 42% từ năm 2013 số hộ thoát nghèo giảm do dự án thay đổi mức bình quân thu nhập của hộ ra chương trình từ 400.000 đồng lên 600.000 đồng để phù hợp với qui định hộ cận nghèo vùng nông thôn của chính phủ từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 là 401.000 đồng đến 520.000 đồng . Năm 2014 số liệu hộ thoát nghèo chỉ mới tính đến 6 tháng đầu của năm. Trong quá trình đầu tư phát triển kinh tế, một số hộ gặp rủi ro về thời tiết, sâu bệnh và giá cả nên thu nhập thấp. Tính đến tháng 6/2014, tổng hiện nợ 3.619.780.000 đồng, trong đó 1.996.280.000 đồng là vốn nợ không phí quản lý, 1.623.5000 đồng có phí quản lý 0.5%/tháng. Có 1.222 hộ mới tham gia chương trình trong 5 năm.

Comment [**<S>9**]: Đã giải thích lý do tại sao số hộ phát triển giảm.

Chương trình thực hiện trực tiếp với hộ gia đình thông qua theo dõi báo cáo của cộng tác viên cộng đồng tại các xã. Khi các mô hình thực hiện gặp dịch bệnh đã liên lạc với nhóm trồng trọt, thú y của Trung tâm can thiệp điều trị. Ngoài ra, hộ gia đình còn được ưu tiên hỗ trợ học bổng hàng năm, hỗ trợ khám, điều trị bệnh, hỗ trợ bảo hiểm y tế, tham gia tập huấn sức khỏe và chăn nuôi, trồng trọt. Vì vậy, các hoạt động này giúp giảm rủi ro cho hộ gia đình.

b. Chương trình tiết kiệm tín dụng

Chương trình tiết kiệm tín dụng ưu tiên cho các nhóm chị em phụ nữ tham gia sinh hoạt và vay vốn làm ăn kinh tế nhỏ để góp phần có tiếng nói trong gia đình và tăng thu nhập. Trong giai đoạn này, còn 3 xã tham gia chương trình bao gồm xã Trà Tân, Đông Hà và Sùng Nhơn với 715 nhóm viên (năm 2010). Sau thời gian hoạt động, các nhóm đã thu lợi nhuận từ tiền tiết kiệm, tín dụng và hoạt động nhóm không được tốt như thời điểm ban đầu như chị em ít sinh hoạt hơn nên Trung tâm đã thu hồi vốn tại xã Sùng Nhơn và Đông Hà. Xã Trà Tân đang thu hồi vốn còn lại sau khi làm việc với Ban điều hành. Dự án giai đoạn tiếp theo sẽ không thực hiện chương trình tiết kiệm tín dụng.

Nợ tín dụng cũ của 2 xã Tân Hà và Nam Chính trong giai đoạn 1:

Đơn vị	Nợ tín dụng	Nợ xã hội	Ký quỹ	Tiền hiện nợ
Tân Hà	80.185.500	16.373.000	19.200.000	77.385.500
Nam Chính	114.788.600	39.184.000	24.400.000	129.572.600
Tổng cộng	194.974.100	55.557.000	43.600.000	206.958.100

Bảng thống kê hiện nợ tín dụng xã giai đoạn 1

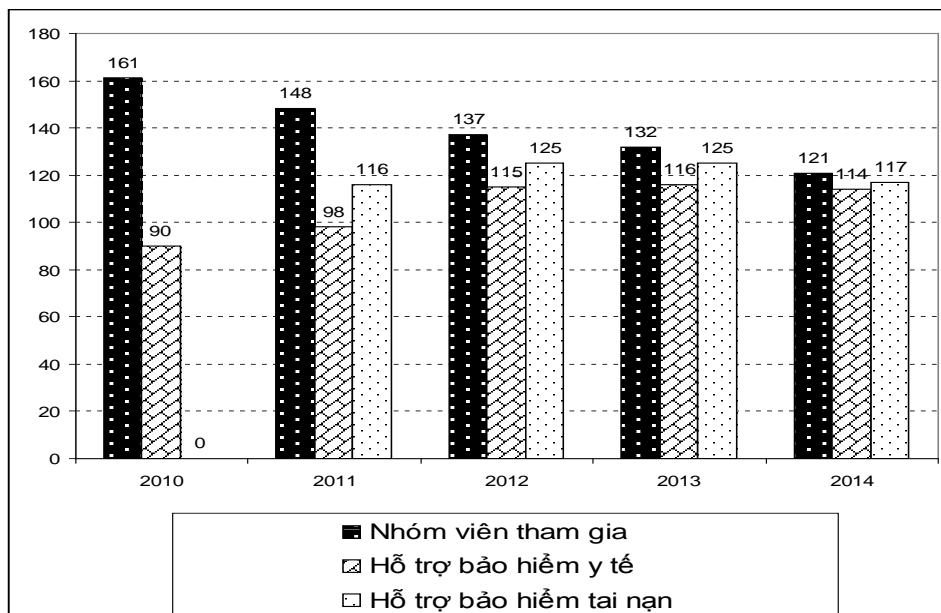
c. Chương trình tạo việc làm

Chương trình tạo việc làm góp phần tạo thu nhập cho các hộ gia đình nghèo và chị em phụ nữ tại nông thôn. Hiện nay, Trung tâm đã thực hiện 2 chương trình chính là

may mền ráp mảnh tại xã Đức Hạnh, Đức Chính và thị trấn Đức Tài và làm nhang tại thị trấn Võ Xu.

- Chương trình may mền thủ công:

Nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ trong huyện có việc làm tăng thu nhập phát triển kinh tế gia đình, Trung tâm đã thành lập nhóm ráp mảnh và nhóm ráp con thú tại các xã Đức Hạnh, Đức Chính, Đức Tài. Từ năm 2010 đến năm 2011 có 9 nhóm 148 nhóm viên trong đó có 2 nhóm ráp con thú, 1 nhóm làm hàng thêu thu nhập trung bình tại các nhóm 1.209.000đ/mỗi nhóm viên. Năm 2012 chỉ còn 6 nhóm ráp mảnh và 1 nhóm ráp thú với 141 nhóm viên(nhóm ráp thú Trà tân và nhóm thêu Mêpu rã nhóm vì nhóm viên đi làm các công ty khác). Thu nhập trung bình của mỗi nhóm viên là 2.386.000đ/tháng. Đầu năm 2013 còn lại 6 nhóm tổng số nhóm viên 129 (nhóm Chị Sinh rã nhóm vì không đáp ứng được kỹ thuật của công ty hàng kém chất lượng). Đến tháng 6/2014 hiện tại còn 6 nhóm số nhóm viên 119 nhóm viên (một số nhóm viên tay nghề không phát triển không đáp ứng được kỹ thuật của khách hàng, hàng thường xuyên bị lỗi đã xin nghỉ và vào công ty khác làm), hiện tại lương trung bình của mỗi nhóm viên là 2.683.000 đồng/tháng. Công ty đã mua Bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho nhóm viên thường xuyên và tặng quà nhân dịp trung thu và tết Nguyên đán cho nhóm viên. Nhóm viên luôn luôn được tập huấn nâng cao kỹ năng làm hàng để đáp ứng kịp thời cho khách hàng. Ngoài ra, dự án tập huấn về chăm sóc sức khỏe như cách phòng bệnh ung thư tử cung, ung thư vú, bệnh tiêu chảy, bệnh hổ hấp, răng miệng, lao... và tập huấn về nhận thức bản thân và suy nghĩ tích cực cho các nhóm.



Biểu đồ thể hiện nhóm viên được hỗ trợ bảo hiểm

Chương trình tạo việc làm đã tạo điều kiện cho các chị có công việc phù hợp có thể tận dụng làm tại nhà và chăm sóc gia đình, tăng thêm thu nhập kinh tế gia đình rõ rệt như xây nhà, sửa chữa các vật dụng trong gia đình lo cho các con ăn học, có 1 số nhóm viên có thể coi như 1 công việc chính. Có công việc đã giúp các chị nâng cao vai trò và vị trí của phụ nữ trong gia đình và xã hội.

- Chương trình nhang:

Từ năm 2010 cho đến nay trung tâm đã duy trì chương trình nhang đã nhận được nhiều hợp đồng với tổng số nhang xuất đi là 42.158kg các loại. Trung tâm đã trả số tiền cho các hộ làm nhang 786.554.000 đồng và đã tạo ra được 6720 công lao động cho 5 hộ làm gia công tại xã Sùng Nhơn và 1 cơ sở với 8 công nhân ở thị trấn Võ Xu có công việc làm Hiện tại nguồn hàng chỉ còn đủ cho 1 cơ sở ở thị trấn Võ Xu làm.

- Chương trình cầu đường:

Kết hợp với chương trình xây dựng nông thôn mới, Trung tâm đã phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức hợp dân và hỗ trợ làm cầu đường cho các xã có nhu cầu. Trung tâm đã hỗ trợ 2 cây cầu giao thông nội đồng tại xã Mê Pu và Đức Hạnh với diện tích 16.25 m² và 9 đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài là 7.355 mét tại xã Sùng Nhơn, Đa Kai, Mê Pu, Đức Hạnh. Qua đó, chương trình đã tạo điều kiện cho người dân đi lại dễ dàng và thuận lợi trong sản xuất.

- Chương trình hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp nhỏ:

Năm 2010, Trung tâm đã hỗ trợ 10.000.000 đồng cho cơ sở cạo hạt điều tại xã Đông Hà. Chương trình không tiếp tục vì không đủ vốn.

- Hỗ trợ xây nhà cho hộ khó khăn:

Năm 2012, Trung tâm nhận được nguồn tài trợ hỗ trợ xây nhà cho 4 gia đình nghèo không có chỗ che nắng che mưa tại xã Đông Hà, Đa Kai và Mê Pu. Những ngôi nhà được xây dựng đã giúp cho họ yên tâm để tập trung làm ăn phát triển kinh tế và lo cho con ăn học.

2. Y tế

a. Chương trình hỗ trợ bệnh cho hộ khó khăn

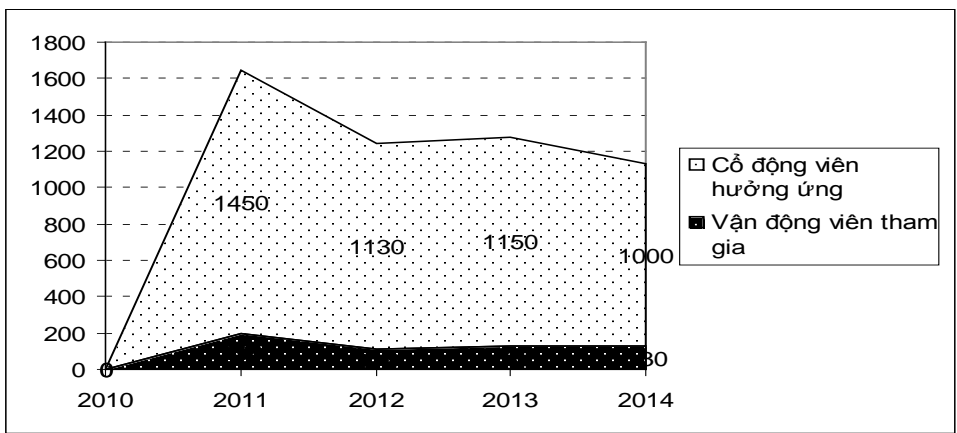
Bên cạnh khó khăn trong phát triển kinh tế, nhiều gia đình còn có thành viên bệnh cần sự hỗ trợ từ bên ngoài để một phần giảm khó khăn cho gia đình, trong gần 5 năm, Trung tâm đã hỗ trợ 110 trường hợp bệnh về tiền xe và khám. Đồng thời hỗ trợ bảo hiểm y tế cho 30 hộ là lao động chính trong gia đình mà bị bệnh cần điều trị và uống thuốc từ bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó, nhiều trường hợp gia đình có thành viên bệnh suyễn. Trung tâm đã phối hợp với bác sĩ chuyên khoa đưa đi khám và hỗ trợ 50% tiền mua thuốc suyễn cho bệnh nhân ít nhất là 6 chai, nhiều nhất là 18 chai theo phát đồ điều trị của bác sĩ, mỗi chai thuốc giá 300.000 đồng. Tính đến tháng 6/2014, Trung tâm đã hỗ trợ 144 hộ được hỗ trợ thuốc suyễn hàng tháng. Chương trình này được đẩy

manh thực hiện từ năm 2013 khi phát hiện trong cộng đồng nhiều hộ có thành viên trong gia đình bị suyễn. Tính đến nay 6 người khỏi bệnh và lao động trở lại.

Thay đổi kiến thức, thái độ dẫn đến thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe. Trung tâm đã đưa 17 đoàn với 255 người khám bệnh phụ khoa và suyễn. Thật sự quan trọng khi chị em phụ nữ được phát hiện sớm để điều trị và phòng ngừa bệnh ung thư tử cung và ung thư vú.

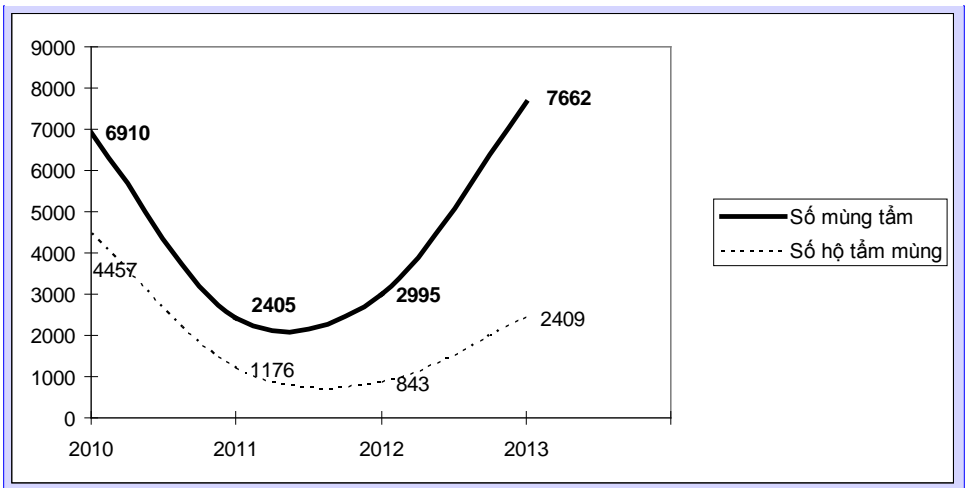
b. Chương trình 31-5 “Nói không với thuốc lá”

Hưởng ứng ngày thế giới không hút thuốc lá, Trung tâm đã phối hợp với nhiều ban ngành tổ chức với nhiều hình thức khác nhau như giải điền kinh, đua xe đạp nam và nữ cho các xã/thị trấn. Chương trình được thực hiện đã tăng cường truyền thông trong cộng đồng và tạo điều kiện để xin kinh phí từ nhà tài trợ.



Biểu đồ thể hiện vận động viên và cố động viên tham gia hưởng ứng 31-5

c. Chương trình tầm mắt



Biểu đồ thể hiện số lượng mừng tầm theo nhu cầu cộng đồng

Comment [**<S>10**]: Đã bỏ năm 2014.

Chương trình tầm mùng cho các xã có nhu cầu được thực hiện hàng năm vào mùa mưa để phòng bệnh sốt xuất huyết. Tính đến tháng 6/2014, Trung tâm đã phối hợp với cộng đồng tầm 19.972 cái mùng (đạt 64%) cho 8.885 hộ gia đình. Nhu cầu tầm mùng giảm vào năm 2011 và tăng dần lên cho đến thời điểm hiện nay. Năm 2014, Trung tâm đang thực hiện tầm mùng cho các xã có nhu cầu nên chưa có số liệu báo cáo. Như vậy, người dân đã ý thức được chăm sóc sức khỏe cho gia đình, phòng bệnh sốt xuất huyết.

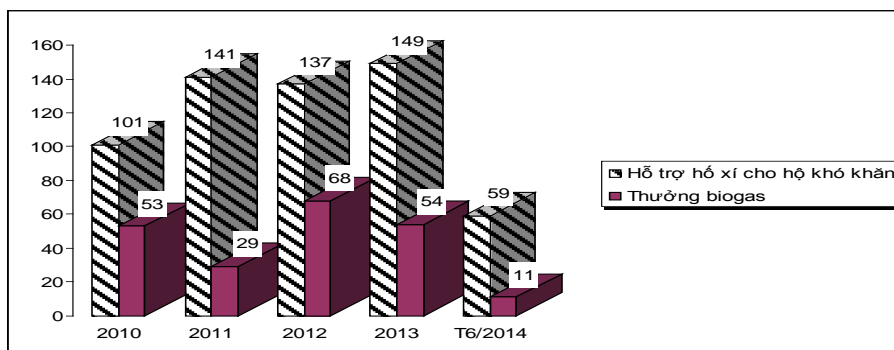
d. Chương trình tập huấn sức khỏe cộng đồng

Nhằm nâng cao sức khỏe, nâng cao kiến thức cho cộng đồng Trung tâm đã tập huấn cho cộng đồng 11 xã trong huyện với các nội dung như phát hiện sớm bệnh ung thư vú, cổ tử cung ở phụ nữ, bệnh lao, bệnh sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng ở trẻ em, bệnh gút, viêm niệu, hen suyễn. Từ năm 2010 cho đến nay đã tiến hành được 337 lớp với 11.434/18115 người so kế hoạch, đạt 63%. Nhìn chung, sau khi tham dự các lớp tập huấn của Trung tâm người dân trong cộng đồng đã nâng cao được nhận thức về bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình, điển hình là trong 5 năm qua Trung tâm đã tiến hành đưa 17 đoàn chị em phụ nữ đi khám phụ khoa tại bệnh viện Từ Dũ. Kết quả đa số các chị đều bị bệnh viêm phụ khoa, u nang buồng trứng.

3. Môi trường

a. Chương trình vệ sinh môi trường

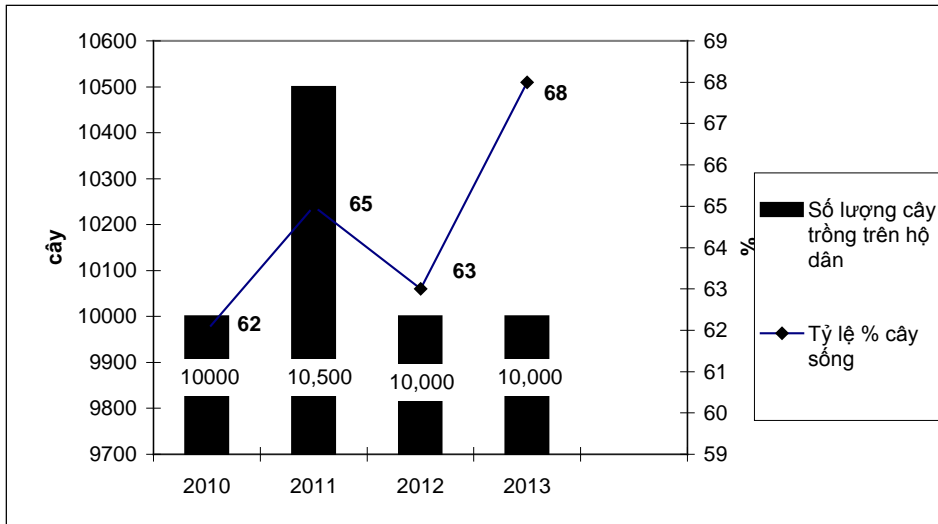
Chương trình vệ sinh môi trường tập trung thường cho các hộ làm hồ xí cho hộ khó khăn và biogas cho hộ ngoài để đảm bảo môi trường sống và sức khỏe cho gia đình. Đến tháng 6/2014, 587 cái hồ xí hộ khó khăn được hỗ trợ, đạt 235% và khen thưởng 215 cái biogas chiếm 86%. Bên cạnh đó, Trung tâm đã hỗ trợ 52 hệ thống lọc nước phèn cho các hộ có nguồn nước bị nhiễm phèn và bẩn tại xã Đa Kai, Mê Pu, Sùng Nhơn và Trà Tân. Hệ thống này được xây dựng mang lại nguồn nước sạch trong sinh hoạt và ăn uống cho các hộ nên nhiều hộ trong cộng đồng có nhu cầu xin tham gia chương trình này.



Biểu đồ thể hiện hồ xí và biogas được hỗ trợ

b. Trồng cây

Chương trình trồng cây nhằm hướng đến tạo môi trường xanh đồng thời cung cấp số lượng cây lồng mức tạo nguồn nguyên liệu cho chương trình nhang. Số lượng cây trồng hàng năm tương đối đồng đều nhưng tỷ lệ cây sống chỉ đạt trên 64.5% (số cây sống 26300/40500 cây trồng) do số hộ trồng chưa chăm sóc kỹ và số cây trồng phân bổ chưa tập trung nên khó theo dõi.



Biểu đồ số lượng cây trồng và tỷ lệ cây sống

4. Xã hội: Chương trình Quyền phụ nữ

Chương trình Quyền phụ nữ tập trung phát triển năng lực cho phụ nữ tại cộng đồng trong việc nâng cao quyền trong gia đình và xã hội như bình đẳng giới và phòng chống bạo hành trong gia đình. Chương trình được thực hiện vào năm 2013 với đối tác UBND huyện Đức Linh và đơn vị được Ban quản lý huyện phân công phối hợp triển khai với Trung Tâm Thiện Chí là Hội liên hiệp Phụ nữ huyện Đức Linh. Những chủ đề tập huấn được thực hiện đến tháng 6/2014 là suy nghĩ tích cực, nhận thức bản thân, bình đẳng giới cho phụ nữ xã, cộng tác viên dự án, phụ nữ nhóm ráp mảnh và hộ khó khăn với 28 lớp có 909 lượt người tham gia. Chương trình tiếp tục thực hiện các chủ đề nâng cao năng lực cho phụ nữ trong đề án đã ký kết với huyện.

Đối tượng tập huấn	Số lớp	Số người
Tập huấn cán bộ nông cốt	4	47
Tập huấn cho cán bộ phụ nữ xã, cộng tác viên	5	104
Tập huấn cho cộng đồng	0	0
Tập huấn cho nhóm tạo việc làm	6	200
Tập huấn cho hộ khó khăn	13	558
Tổng cộng	28	909

Bảng số lượng phụ nữ tham gia tập huấn

C/ Kết luận và đề nghị

Dự án phát triển cộng đồng huyện Đức Linh trong giai đoạn 3 đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và điều kiện sống cho đối tượng hưởng lợi do sự can thiệp tác động từ nhiều mặt hướng đến sự phát triển bền vững. Những mong đợi trong 5 năm thực hiện dự án đã đạt ở mức độ nhất định. Thu nhập của người dân nghèo được tăng lên thông qua khảo sát của dự án bằng các hoạt động hỗ trợ, can thiệp và thúc đẩy năng lực của cộng đồng để khắc phục khó khăn. Tỷ lệ hộ thoát nghèo tăng thu nhập từ khi tham gia chương trình với thu nhập khoảng 300.000 đồng tăng 600.000 đồng. Phụ nữ tại cộng đồng được nâng cao kiến thức và hình thành kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình khi tham gia các lớp tập huấn và khám bệnh phụ khoa. Trẻ em khuyết tật được hỗ trợ, can thiệp để hòa nhập cộng đồng nhưng ở mức độ nhất định vì chương trình này chưa nhận được sự quan tâm thiết thực từ trường học và cộng đồng. Các hoạt động giáo dục tại trường học góp phần hỗ trợ kiến thức và chăm sóc sức khỏe cho học sinh khi giáo dục kiến thức và thực hành hành vi có lợi cho sức khỏe. Nông dân nghèo được nâng cao kiến thức và thu nhập khi tham gia các buổi tập huấn và thực hiện các mô hình đạt mức độ nhất định vì khi thực hiện mô hình các hộ gặp rủi ro về bệnh và giá cả.

Một số đề nghị cho dự án giai đoạn 4 như sau:

- Một là tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà tài trợ thăm dự án.
- Hai là tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình vay vốn hộ khó khăn, tập trung làm mô hình kinh tế nhỏ cho hộ khó khăn, tập huấn sức khỏe, hỗ trợ bệnh, học bổng cho học sinh nghèo, vệ sinh môi trường (hồ xí, nước nhiễm phèn), giáo dục hòa nhập, giáo dục Sức khỏe Mẫu giáo, giáo dục giới tính cho học sinh Trung Học Cơ Sở, bình đẳng giới trong cộng đồng, tạo việc làm cho chị em phụ nữ trong cộng đồng.
- Ba là chuyển chương trình Sức khỏe các trường tiểu học cho Phòng Giáo Dục & Đào Tạo huyện Đức Linh quản lý vì nhà trường và Giám sát viên của Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện đã đủ kỹ năng và năng lực tự thực hiện chương trình.
- Bốn là chương trình hỗ trợ cầu đường sẽ thực hiện nếu có kinh phí.
- Năm là ngưng thực hiện các chương trình như vi tính tại các trường học vì đã đến giai đoạn các trường tự đầu tư, thưởng biogas, tiết kiệm tính dụng.

Comment [**S**11]: Đã để Bulletin

Phần 2: Kinh phí thực hiện giai đoạn 3 (Từ 2010 đến tháng 5 năm 2014)

STT	HOẠT ĐỘNG	KẾ HOẠCH KINH PHÍ 5 NĂM 3,664,210,000	KINH PHÍ THỰC HIỆN 5 NĂM 9,964,585,900
I	CHƯƠNG TRÌNH HỘ KHÓ KHĂN	852,500,000	4,476,361,727
A	CHI PHÍ HỖ TRỢ	652,500,000	2,320,381,727
1	Chi phí khảo sát hộ nghèo mới, hộ học bổng, hộ ra chương trình và in sổ sách chương trình vay vốn hộ khó khăn, họp hộ khó khăn	36,500,000	56,724,050
2	Chi phí đào tạo và lương cộng tác viên	616,000,000	1,233,471,050
3	Hỗ trợ rủi ro về cây trồng, vật nuôi cho hộ khó khăn vay vốn	0	24,640,000
4	Hỗ trợ xây nhà cho hộ khó khăn	0	65,965,0000
5	Hỗ trợ bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh cho người nghèo	0	316,003,627
6	Hỗ trợ thuốc điều trị bệnh hen suyễn cho người nghèo	0	29,893,000
B	CẤP VỐN HỘ KHÓ KHĂN	200,000,000	2,155,980,000
II	CHƯƠNG TRÌNH TRƯỜNG TIỂU HỌC	1,639,860,000	2,944,808,170
A	CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE TIỂU HỌC	121,150,000	209,404,990
1	Đào tạo: Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp huyện môn sức khỏe, tập huấn kỹ năng giám sát cho trường tiểu học, giám sát chương trình	91,150,000	153,928,000
2	Hồ sơ giám sát, dụng cụ	10,000,000	12,608,490

3	Khen thưởng trường đạt cuối năm tham gia chương trình Sức khỏe	20,000,000	34,500,000
4	Thuốc eosin kiểm tra vệ sinh răng miệng của học sinh (Màng bám răng)	0	8,368,500
B	CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ TRƯỜNG TIỂU HỌC	1,518,710,000	2,735,403,180
B1	Khám mắt cho học sinh tiểu học	93,750,000	129,763,790
1	Dụng cụ và pho to biểu mẫu	5,250,000	826,890
2	Hợp phụ huynh, Trạm y tế và hỗ trợ kinh phí khám tại trường và tại bệnh viện Mắt Điện Biên Phủ	88,500,000	128,936,900
B2	Chương trình Giáo Dục Hòa Nhập tại các trường tiểu học	324,960,000	380,610,850
1	Khảo sát, mẫu khảo sát học sinh, giáo cụ dạy học, hồ sơ giám sát chương trình	55,260,000	97,218,350
2	Đào tạo: Cho giáo viên dạy lớp hòa nhập, hướng dẫn phòng Giải trí, trị liệu, thao giảng	223,700,000	211,549,500
3	Hội thảo, tập huấn phụ huynh	16,000,000	20,872,000
4	Hỗ trợ khám điều trị bệnh và mua bảo hiểm y tế, tai nạn cho học sinh nghèo khuyết tật	0	10,971,000
5	Khen thưởng trường đạt cuối năm	30,000,000	40,000,000
B3	Chương trình hỗ trợ học bổng cho học sinh Tiểu	930,000,000	1,547,295,450

	Học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Tân sinh viên		
B4	Chương trình hỗ trợ máy vi tính dạy học sinh trường Tiểu Học và Trung học cơ sở	20,000,000	642,657,790
1	Bảo trì máy vi tính trường học	20,000,000	105,739,200
2	Cấp máy vi tính trường học	0	534,918,590
3	Đào tạo giáo viên phụ trách phòng máy	0	2,000,000
B5	Chương trình hỗ trợ sách thư viện cho học sinh Tiểu Học và Trung học cơ sở	150,000,000	35,075,300
III	CHƯƠNG TRÌNH TRƯỜNG MẪU GIÁO	195,200,000	658,393,300
A	CHƯƠNG TRÌNH NHA KHOA MẪU GIÁO	134,300,000	203,246,300
1	Tập huấn giáo viên kiến thức cơ bản về nha học đường, phòng tránh bệnh đường hô hấp, hen phế quản, kỹ năng giám sát chương trình, giám sát	48,700,000	147,036,300
2	Hỗ trợ dụng cụ dạy cho trẻ	85,600,000	56,210,000
B	CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ TRƯỜNG MẪU GIÁO	60,900,000	455,147,000
1	Hỗ trợ bồn nước, xây nhà vệ sinh, nền sân trường, hàng rào, khen thưởng trường đạt cuối năm	60,900,000	404,227,000
2	Tập huấn kiến thức sức khỏe về nha khoa, bệnh hô hấp cho phụ huynh	0	50,920,000

IV	CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH THCS	0	89,148,200
	Tập huấn kiến thức về Giáo dục giới tính và kỹ năng sống cho giáo viên và học sinh 3 trường THCS Võ Đất, Đông Hà và Đa Kai	0	89,148,200
V	CHƯƠNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP	276,650,000	295,621,600
1	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp tài liệu về trồng trọt và chăn nuôi cho nông dân có nhu cầu	53,250,000	82,591,000
2	Tập huấn kỹ thuật cho nhóm cộng tác viên thú y	2,500,000	1,634,000
3	Hỗ trợ nông dân làm mô hình	123,000,000	127,825,000
4	Tổ chức hội thảo mô hình, hội họp, hội thi nhà nông đua tài	70,400,000	48,256,000
5	Tổ chức nông dân tham quan mô hình	20,000,000	21,881,000
6	Hỗ trợ các hộ khó khăn tiêm ngừa vacxin phòng bệnh tại xanh, dịch cúm, thuốc sát trùng... cho gia súc, gia cầm	7,500,000	13,434,600
VI	CHƯƠNG TRÌNH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG	227,500,000	620,773,200
1	Hỗ trợ hộ khó khăn xây nhà vệ sinh, hệ thống nước lọc phèn, hộ chăn nuôi làm biogas	212,500,000	492,035,000
2	Trồng cây lồng mứt	15,000,000	128,738,700

VII	CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE VÀ QUYỀN PHỤ NỮ	226,500,000	320,137,200
1	Tập huấn sức khỏe và các chủ đề về bình đẳng giới cho phụ nữ	92,000,000	186,577,300
2	Hỗ trợ tiền công tâm mừng cho cộng đồng	34,500,000	36,355,000
3	Hưởng ứng ngày Thế giới không hút thuốc lá	100,000,000	97,204,900
VIII	CHƯƠNG TRÌNH TẠO VIỆC LÀM	86,000,000	325,409,803
1	Tập huấn nhóm viên là mền	6,000,000	118,617,803
2	Hỗ trợ làm cầu, đường, sân trường cho trường Tiểu Học	80,000,000	206,792,000
IX	CHƯƠNG TRÌNH KỊCH TRUỀN THÔNG	0	39,135,000
1	Chi phí lương nhóm kịch	0	39,135,000
X	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	160,000,000	194,797,700
1	Chi phí quản lý phí, tổng kết dự án, hỗ trợ xã Đông Hà, Mê Pu kinh phí xây nhà cho hộ nghèo	110,000,000	187,408,700
2	Kinh phí kiểm toán, lượng gia chương trình	50,000,000	7,931,000

Ghi chú: Kinh phí kiểm toán chương trình thanh toán từ kế toán của Trung Tâm Thiện Chí

Phần 3: Nguồn thu từ cộng đồng với số tiền 518,238,500 đồng

1. Thu lại vốn 3 xã Trà Tân, Đông Hà và Sùng Nhơn mượn ở giai đoạn 2 để thực hiện chương trình Tiết Kiệm Tín dụng với số tiền 250,000,000 đồng.
2. Thu phí quản lý chương trình hộ khó khăn với số tiền 199,245,000 đồng.
3. Thu tiền mua sách chương trình Sức khỏe của Tiểu học với số tiền 68,993,500 đồng.

Phần 4: Kinh phí dự kiến giai đoạn 4: 5,207,550,000 đồng
(Năm tỷ hai trăm lẻ bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)

stt	Diễn giải	Số lượng	Đơn vị tính	Kinh phí	Tổng kinh phí
I	CHƯƠNG TRÌNH HỘ KHÓ KHĂN				
1	Khảo sát hộ khó khăn	1250	Hộ	15,000	18,750,000
2	In sổ, pho to mẫu kiểm tra, báo cáo	500	Hộ	30,000	15,000,000
3	Đào tạo cộng tác viên	24	Người	5,000,000	120,000,000
4	Lương cho cộng tác viên	24	Người	54,000,000	1,296,000,000
5	Hộp hộ khó khăn	125	Lần	400,000	50,000,000
6	Hỗ trợ khám bệnh cho hộ nghèo	130	Hộ	1,000,000	130,000,000
	Tổng cộng				1,629,750,000
stt	Diễn giải	Số lượng	Đơn vị tính	Kinh phí	Tổng kinh phí
II	CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SỨC KHỎE VÀ HỖ TRỢ TIỂU HỌC				
1	Hỗ trợ tiền xe giám sát	5	Lần	6,000,000	30,000,000
2	Tổ chức gây quỹ học bổng	5	Lần	20,000,000	100,000,000
3	Học bổng	2500	Suất	500,000	1,250,000,000
4	Khám mắt cho học sinh	32	Trường	1,800,000	57,600,000
	Tổng cộng				1,437,600,000
III	CHƯƠNG TRÌNH NHA KHOA MẪU GIÁO				
1	Giám sát chương trình	5	Lần	8,000,000	40,000,000
2	Tổng kết cuối năm	5	Lần	8,000,000	40,000,000
3	Hồ sơ giám sát	5	Lần	500,000	2,500,000

4	Hội chợ sức khỏe	2310	Trẻ	20,000	46,200,000
5	Kịch tuyên truyền hô hấp	12	Trường	800,000	9,600,000
6	Thuốc eosin	5	Lọ	3,000,000	15,000,000
	Tổng cộng				153,300,000
IV	CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC HÒA NHẬP VÀ HỘP HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG				
1	Khảo sát phát hiện sớm trẻ khuyết tật	60	Trẻ	15,000	900,000
2	Mẫu khảo sát chuyên môn	50	Bộ	20,000	1,000,000
3	Tập huấn cho nhân viên và cộng tác viên khảo sát	15	Người	100,000	1,500,000
4	Tập huấn cho cộng tác viên phương pháp dạy trẻ tại nhà	10	đợt	1,000,000	10,000,000
5	Hỗ trợ dụng cụ học cho trẻ	80	Trẻ	300,000	24,000,000
6	Tập huấn cho phụ huynh, hội thảo	12	Lần	3,000,000	36,000,000
7	Tờ rơi tuyên truyền	4000	Tờ	1,500	6,000,000
8	Giám sát chương trình	10	Lần	4,000,000	40,000,000
9	Tổ chức thao giảng nâng cao kỹ năng giảng dạy hòa nhập	5	lần	7,000,000	35,000,000
	Tổng cộng				154,400,000
V	CHƯƠNG TRÌNH TRỒNG TRỌT				
1	Tập huấn cho nông dân	5000	Người	12,000	60,000,000
2	Mô hình trình diễn	50	Điểm	700,000	35,000,000
3	Hội thảo cây trồng	30	Đợt	1,500,000	45,000,000
4	Tham quan mô hình	350	Người	100,000	35,000,000
5	Tờ rơi tuyên truyền	5	Chủ đề	2,000,000	10,000,000
	Tổng kinh phí				185,000,000

stt	Diễn giải	Số lượng	Đơn vị tính	Kinh phí	Tổng kinh phí
VI	CHƯƠNG TRÌNH THÚ Y				
1	Tập huấn cho nông dân	4000	Người	12,000	48,000,000
2	Tham quan mô hình	300	Người	100,000	30,000,000
3	Mô hình chăn nuôi điểm	50	Điểm	700,000	35,000,000
4	Hội thảo mô hình chăn nuôi	25	Đợt	1,500,000	37,500,000
5	Chủng ngựa gia súc	500	Con	6,000	3,000,000
6	Chủng ngựa gia cầm	2500	Con	3,000	7,500,000
7	Tờ rơi tuyên truyền	5	Chủ đề	2,000,000	10,000,000
	Tổng kinh phí				171,000,000
VII	CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ CỘNG ĐỒNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG				
1	Hỗ trợ xây hồ xí hộ khó khăn	500	Hộ	500,000	250,000,000
2	Tầm mùng	21000	Cái	3,500	73,500,000
3	Tập huấn SK phụ nữ	10000	Người	12,000	120,000,000
4	Ngày 31/5	5	Lần	40,000,000	200,000,000
	Tổng cộng				643,500,000
VIII	CHƯƠNG TRÌNH TẠO VIỆC LÀM				
1	Tập huấn thủ công	6	Nhóm	9,000,000	45,000,000
	Tổng cộng				45,000,000
stt	Diễn giải	Số lượng	Đơn vị tính	Kinh phí	Tổng kinh phí
IX	CHƯƠNG TRÌNH QUYỀN PHỤ NỮ				
1	Tập huấn cho phụ nữ xã	5	Lần	15,000,000	75,000,000
2	Tập huấn cho cộng đồng	30	Lớp	600,000	18,000,000

3	Tập huấn cho hộ khó khăn	70	Lớp	600,000	42,000,000
4	Tập huấn nhóm Ráp mảnh	15	Lớp	600,000	9,000,000
5	Phí quản lý Phụ nữ huyện	5	Năm	1,000,000	5,000,000
	Tổng cộng				149,000,000
X	CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH THCS				
1	Tập huấn cho giáo viên	4	Lần	15,000,000	60,000,000
2	Tập huấn Giáo dục giới tính cho học sinh lớp 8	102	Lớp	2,000,000	204,000,000
3	Tập huấn kỹ năng sống cho học sinh lớp 8	102	Lớp	2,000,000	204,000,000
4	Quản lý phí cho trường	36	Trường	1,000,000	36,000,000
5	Quản lý phí cho PGD	5	Lần	2,000,000	10,000,000
6	Lượng giá chương trình	3	Lần	5,000,000	15,000,000
	Tổng cộng				529,000,000
XI	CHI PHÍ QUẢN LÝ				
1	Quản lý phí của huyện	5	Năm	6,000,000	30,000,000
2	Chi phí hội họp, tổng kết	5	Năm	10,000,000	50,000,000
3	Lượng giá	1	Lần	30,000,000	30,000,000
	Tổng cộng				110,000,000

Phụ lục 1: BẢNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 5 NĂM HUYỆN ĐỨC LINH

A. Nông nghiệp	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Kết quả đạt hàng năm									
				2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
1. Trồng trọt													
Tập huấn nông dân	150/4500	lớp/người	159%	41	1208	44	1358	49	1600	78	2379	27	768
Hội thảo cây trồng	20	đợt/người	35%	1	26	3	94	1	10	1	52	1	55
Xây dựng mô hình trồng trọt thí điểm, trình diễn	42	hộ	285%	58		41		12		6		3	
Hội thi nhà nông đua tài	11	đợt/người	136%			14	1245			1	150		
Thăm quan mô hình	Nhu cầu	đợt/người	4/103	3	87			1	16				
2. Thú y	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Tập huấn nông dân	100/300	Lớp/người	143%	28	840	27	810	35	1068	38	1235	15	393
Tham quan mô hình	10	đợt/người	40%	2	26			2	51				
Xây dựng mô hình chăn nuôi thí điểm, trình diễn	25	hộ	448%	19		40		16		22		15	
Hội thảo mô hình chăn nuôi	10	đợt/người	50%	1	40	3	176			1	48		
Trao đổi kinh nghiệm CTV thú y toàn huyện	1	đợt/người	100%			1	32						
Tiêm ngừa gia súc	3000	con	46%	774		100		270		209		24	
Tiêm ngừa gia cầm	2000	con	641%	4114		2000		3895		2086		736	
Điều trị bệnh gia súc	Nhu cầu	con	460	223		57		79		92		9	
Điều trị bệnh gia cầm	Nhu cầu	con	2482	0		205		1165		800		312	
Hội thi nhà nông đua tài	11	đợt/người	136%			14	1245			1	150		

B. Trường học													
1. Chương trình sức khỏe và hỗ trợ trường học													
1.1. Mẫu giáo													
a. Chương trình hô hấp cấp mẫu giáo													
Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014		
Tập huấn cho phụ huynh phòng bệnh hô hấp	Nhu cầu	lớp/người	45/1373	45	1373								
Hội thi kiến thức hô hấp phụ huynh	Nhu cầu	đợt/người	45/2018			6	216	18	764	13	588	8	450
Kịch tuyên truyền trong cộng đồng	Nhu cầu	trường	8	0		0		1		3		4	
Tập huấn hen suyễn giáo viên	Nhu cầu	lớp/người	9/329	0		0		0	9	329		0	
Tập huấn hen suyễn cho nhân viên	Nhu cầu	lớp/người	1/024	0		0		0	1	24		0	
b. Chương trình nha khoa mẫu giáo	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Tập huấn kiến thức cho giáo viên	161 người	lớp/người	331%	7	258	0	0	3	151	3	125	0	0
Tập huấn kiến thức cho phụ huynh	Nhu cầu	lớp/người	44/1494	0	0	10	303	14	503	11	348	9	340
Tập huấn kỹ năng giám sát viên	16	lớp/người	69%			1	11						
Hỗ trợ xây nhà vệ sinh mẫu giáo	Nhu cầu	trường	15	0		9		0		6		0	
Hỗ trợ bồn đựng nước	Nhu cầu	cái	13	0		7		5		1		0	
Hỗ trợ dụng cụ giảng dạy	Nhu cầu	lần	4	1		1		1		1		0	
Hỗ trợ xây dựng sân trường	Nhu cầu	sân	4	0		1		3		0		0	
Hỗ trợ mái che	Nhu cầu	cái	14	0		0		6		8		0	

1.2. Tiểu học	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
a. Chương trình “Hành động vì trái đất”	Nhu cầu	Kg	3728	3728		0		0		0		0	
b. Chương trình việt dã-học bổng	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Giải việt dã gây quỹ học bổng	55000	người	148%	19082		20252		20513		21648		0	
Học bổng cho học sinh nghèo	2200	suất	130%	700		705		705		747		0	
Học bổng cho tân sinh viên nghèo	Nhu cầu	suất	33	0		0		14		19		0	
c. Chương trình tủ sách thư viện	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Tủ sách cho trường tiểu học, THCS	75	đợt	35%	7		8		11		0			
d. Chương trình giáo dục hòa nhập	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Số trường tham gia chương trình	9	trường	88%	7		6		6		4		4	
Số trẻ khuyết tật tham gia chương trình	160	trẻ	189%	116		74		51		31		31	
Số trẻ khuyết tật tham gia hội học tập cộng đồng	Nhu cầu	trẻ	58	0		2		11		10		35	
Tập huấn cho giáo viên	1597 người	lớp/người	65%	16	485	12	406	1	26	4	120	0	
Hội thảo phụ huynh học sinh hàng năm trường học	8 trường	trường/người	16/348	6	152	0	0	6	117	4	79	0	
Thao giảng cụm giáo viên	Nhu cầu	cụm/người	6/221			2	77	2	80	2	64	0	
Hoạt động phòng tập	Nhu cầu	phòng	5	5		4		4		3		3	
Hỗ trợ bảo hiểm y tế-tai nạn	Nhu cầu	em	94	18		3		43		30		0	
Sự kiện ngoài trời	Nhu cầu	trường	4	0		0		2		2		0	
Đổi ứng lương giáo viên dạy phòng tập	Nhu cầu	trường	9	0		0		3		4		2	
Tình nguyện viên hỗ trợ chương trình	Nhu cầu	người	2			1				1			
Hội thảo phụ huynh cộng đồng	Nhu cầu	lớp/người	2/70					1	32			1	38
e. Chương trình khám mắt	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Tập huấn cho nhân viên y tế trường	2	lớp/người	100%	0	2	66		0		0		0	
Số học sinh được khám sơ bộ	23000	học sinh	189%	9880		11586		11140		10936		0	
Số học sinh khó khăn về mắt	Thực tế	học sinh	3637	781		1041		783		1032		0	
Số học sinh khám tại bệnh viện TP.HCM	500	học sinh	144%	199		150		225		147		0	
Số học sinh đeo kính	Thực tế	học sinh	516	127		108		169		112		0	
Số học sinh được hỗ trợ kính, xe, khám	Thực tế	học sinh	516	127		108		169		112		0	

g. Chương trình nha khoa sức khỏe	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010	2011	2012	2013	T6/ 2014
Kiến thức học sinh								
Trung bình cộng/10 điểm	Thực tế		9.1	9.3	9.3	8.9	9	8.9
% học sinh khá giỏi	Thực tế	%	85	91	94.7	71.2	84.4	83.3
% trường đạt mục tiêu	Thực tế	%	68	84.8	63.6	42.4	68.7	78.1
Quy trình chải răng	Thực tế							
% hiệu quả quy trình	Thực tế	%	96	95	97.4	95.6	93.1	98.8
% trường có quy trình đạt mục tiêu	Thực tế	%	51.4	60.6	82	42.4	28.1	43.7
Vệ sinh răng miệng	Thực tế							
Chỉ số mảng bám hàng năm	Thực tế		0.504	0.49	0.43	0.4	0.65	0.55
% vệ sinh răng miệng rất tốt	Thực tế	%	11.2	10	12	11.5	10	12.5
% vệ sinh răng miệng tốt	Thực tế	%	63.6	65	74	72.1	49.2	57.8
% vệ sinh răng miệng trung bình	Thực tế	%	22.1	22	13	15.8	32.8	26.9
% vệ sinh răng miệng kém	Thực tế	%	3.1	3	1	0.6	8	2.8
% trường vệ sinh răng miệng đạt mục tiêu	Thực tế	%	78.4	72.7	75.8	96.9	62.5	84.2
Vệ sinh cá nhân								
% vệ sinh tay chân sạch	Thực tế	%	97	99	96.6	99.1	94.6	95.7
% trường có vệ sinh tay chân sạch	Thực tế	%	73.4	87.9	79	87.9	59	53.1
Vệ sinh môi trường								
% đạt vệ sinh môi trường	Thực tế	%	98.9	99	99.7	99.6	97.7	98.6
% trường có vệ sinh môi trường đạt mục tiêu	Thực tế	%	72.2	87.9	87.8	84.8	41	59.4
Phương pháp dạy giáo viên								
Số tiết dạy xếp loại giỏi hàng năm	Thực tế	tiết	141	23	30	29	30	29
% tiết dạy xếp loại giỏi	Thực tế	%	86.6	69.7	90.9	87.8	93.8	90.6
% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện	Thực tế	%	97	93.9		96.9		100
% tiết dạy toàn huyện	Thực tế	%	92	90.4	93.3	91.05	92.9	92.4
i. Hỗ trợ giảng khoan, sân trường	Thực tế	trường		0	0	0	1	1

2. Chương trình giáo dục giới tính và kỹ năng sống cho học sinh THCS	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014														
Tập huấn cho nhóm nông cốt	Nhu cầu	lớp/người	2/.42	0		0		0		2	42	0														
Tập huấn cho giáo viên	Nhu cầu	lớp/người	2/.40	0		0		0		2	40	0														
Tập huấn cho học sinh về giáo dục giới tính	Nhu cầu	lớp/học sinh	21/567	0		0		0		0	21	567														
Tập huấn cho học sinh về giáo dục kỹ năng sống	Nhu cầu	lớp/học sinh	21/489	0		0		0		0	21	489														
III. CỘNG ĐỒNG																										
1. Kinh tế	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014														
a. Chương trình vay vốn hộ khó khăn																										
Số lượng hộ tham gia chương trình vay vốn														2500	hộ	232%	926		1115		1112		1318		1325	
Bình quân thu nhập	Thực tế	%	34	36		29		42		35		26														
Số hộ thoát nghèo	Thực tế	hộ	374	104		93		117		41		19														
b. Chương trình tiết kiệm tín dụng	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014														
Xã tham gia chương trình hàng năm														Thực tế	xã	3	3		2		1		1		1	
Xã bàn giao														Thực tế	xã	2	0		1		1		0		0	
Nhóm tham gia														Thực tế	nhóm	1936	715		365		296		280		280	

c. Chương trình tạo việc làm	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Thủ công		nhóm	7	8		7		6		6		6	
Nhóm viên tham gia	Thực tế	người	140	161		148		137		132		121	
Hỗ trợ bảo hiểm y tế	Thực tế	người	533	90		98		115		116		114	
Hỗ trợ bảo hiểm tai nạn	Thực tế	người	483	0		116		125		125		117	
Nhóm viên nghỉ việc	Thực tế	người	39	6		6		11		5		11	
Nhang													
Nhang dài xuất khẩu/số lao động	Thực tế	kg/người	42158/50	10040	13	8002	13	8066	8	14043	8	2007	8
Nhang nón xuất khẩu/số lao động	Thực tế	kg/người	630/8	230	4	400	4	0	0	0	0	0	0
Cầu đường	4	xã											
Hỗ trợ làm cầu	Thực tế	xã/m2	2/16.25					1	8	1	8.25	0	0
Hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn	Thực tế	xã/mét	9/7.355			3	1840	3	3250	3	2265	0	0
Hỗ trợ vốn doanh nghiệp nhỏ	Thực tế	hộ	1	1		0		0		0		0	
Hỗ trợ xây nhà hộ khó khăn	Thực tế	hộ	4	0		0		4		0		0	
2. Y tế	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
a. Chương trình hỗ trợ bệnh cho hộ khó khăn													
Số hộ hỗ trợ khám bệnh	Nhu cầu	hộ	110	11		40		24		24		11	
Hỗ trợ bảo hiểm y tế	Nhu cầu	hộ	30					10		20		0	
Số hộ hỗ trợ thuốc suyễn hàng tháng theo năm	Nhu cầu	đợt	144					2		95		47	
Số đoàn khám bệnh phụ khoa, suyễn	Nhu cầu	đoàn/người	17/255	2	35	1	9	3	35	9	146	2	30

b. Chương trình 31-5 “Nói không với thuốc lá”	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Vận động viên tham gia	Thực tế	573		0		198		115		130		130	
Cô động viên hưởng ứng	Thực tế	4777		0		1450		1130		1150		1000	
c. Chương trình tầm mùng	23000 cái	cái/hộ	64%	6910	4457	2405	1176	2995	843	7662	2409	0	
d. Chương trình tập huấn sức khỏe cộng đồng	18115 người	lớp/người	63%	53	1876	68	2473	56	1946	101	3213	59	1926
3. Môi trường	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
a. Chương trình vệ sinh môi trường												0	
Thưởng hổ xí	250	cái	3.2.%	8		0		0		0			
Hỗ trợ hổ xí cho hộ khó khăn	250	cái	235%	101		141		137		149		59	
Thưởng biogas	250	cái	86%	53		29		68		54		11	
Hệ thống lọc phèn	Thực tế	cái	52 cái	0		0		0		52			
b. Trồng cây	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Số lượng cây trồng trên hộ dân	15000	cây/hộ	270%	10000	18	10,500	21	10,000	25	10,000	16	0	
Tỷ lệ % cây sống	64.5	%	64.5	62		65		63		68		0	
4. Xã hội												0	
Chương trình Quyền phụ nữ	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	2010		2011		2012		2013		T6/ 2014	
Tập huấn cán bộ nông cốt	Nhu cầu	lớp/người	4/47	0		0		0		4	47	0	0
Tập huấn cho cán bộ phụ nữ xã, cộng tác viên	Nhu cầu	lớp/người	5/104	0		0		0		4	90	1	14
Tập huấn cho cộng đồng	Nhu cầu	lớp/người	0	0		0		0		0	0	0	0
Tập huấn cho nhóm tạo việc làm	Nhu cầu	lớp/người	6/200	0		0		0		6	200	0	0
Tập huấn cho hộ khó khăn	Nhu cầu	lớp/người	13/558	0		0		0		13	558	0	0

Phụ lục 2: BẢNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH TRỒNG TRỌT – CHĂN NUÔI

Tên mô hình	Thời gian thực hiện	Số hộ tham gia	Diện tích /số lượng	Địa điểm	Kết quả mong đợi	Kết quả thực tế
a. Trồng trọt						
Cải tạo và thăm canh vườn cà phê (2010: Đức Hạnh 4 hộ, 2011: Mê Pu 8 hộ, 2014: Đa Kai 1 hộ)	2010-2014	13 hộ	3.7ha	Đức Hạnh Mê Pu Đa Kai	- Năng suất tăng. - Sâu bệnh giảm. - Nông dân nắm được kỹ thuật.	- Năng suất tăng hơn 17% so với hộ ngoài. Hộ mô hình tăng 62.5 kg khô/sào. - Nông dân học được kỹ thuật bón phân, bón đúng thời điểm và tỉa cành. - Nông dân sử dụng phân hữu cơ và phân bón lá làm trái phát triển đồng đều, cành khỏe, xanh. - Tận dụng vỏ cà phê để ủ lại tạo phân hữu cơ bón lại cho cây vào vụ sau.
Ủ vò cà phê làm phân hữu cơ (2010: Đức Hạnh 4 hộ, 2011: Mê Pu 4 hộ)	2010-2011	8 hộ	3ha	Đức Hạnh Trà Tân	- Tận dụng nguồn phế phẩm của nông nghiệp để tạo nguồn phân hữu cơ cung cấp lại cho cây. - Hạn chế ô nhiễm môi trường. - Giảm chi phí sản xuất.	- Nông dân ứng dụng được chế phẩm nấm trichoderma và làm thành công quy trình ủ vò cà phê thành phân hữu cơ bón lại cho cà phê. - Không đốt vỏ cà phê như trước

						<p>nên giảm ô nhiễm môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn vỏ cà phê làm phân hữu cơ nên chi phí để mua phân hữu cơ bón cho cây trồng đã giảm được 50% so với việc mua phân bò như trước đây của hộ thực hiện mô hình.
Trồng tiêu trên cây lồng mức theo hướng bền vững	8/2010-12/2014	1 hộ	3.6 sào	Đa Kai	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế người dân vào rừng chặt cây để trồng Tiêu làm ảnh hưởng đến môi trường, sinh thái. - Nông dân sử dụng Nấm đối kháng và phân hữu cơ giảm bệnh cho cây tiêu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình theo dõi cây tiêu rất phù hợp trồng trên cây lồng mức, tiêu phát triển tốt không bị bệnh. Tuy nhiên mô hình này không tiến hành đánh giá được năng suất của cây tiêu vì chủ hộ đã bán vườn để có tiền chữa bệnh cho con gái bị tai nạn giao thông.
Sản xuất nấm xanh diệt rầy nâu trên cây lúa	10/2010	1 hộ	Hộ	Mê Pu	<ul style="list-style-type: none"> - Cách sản xuất và cách sử dụng nấm trên đồng ruộng. - Người dân nắm được quy trình sản xuất nấm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ ông Lưu Đình Quốc ở Mê Pu đã làm được một quy trình sản xuất và tỷ lệ nấm phát triển trong phòng thí nghiệm là 98%.
Trình diễn nấm xanh diệt rầy nâu trên cây lúa (2010: Mê Pu 1 hộ, 2011: Mê Pu	2010-2011	3 hộ	9 ha	Mê Pu Vũ Hòa	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về hiệu quả diệt rầy nâu của nấm xanh và một số sâu hại khác trên cây Lúa. - Tiết kiệm chi phí sản xuất, hạn chế ô nhiễm môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khi nấm đã phát triển tốt nhưng đem ứng dụng ra đồng sản xuất thì chưa thấy được kết quả rõ ràng do thời tiết, gặp phải mưa lớn.

1 hộ, Vũ Hòa 1 hộ)						
Mít nghệ (2010: 27 hộ/270 cây), 2011: 25 hộ/154 cây)	2010-2011	52 hộ	424 cây	Trà Tân Đức Chính Mê Pu Đông Hà Đức Hạnh	- Tìm hiểu sự thích nghi của Mít Nghệ trên vùng Đức Linh.	- Cho đến nay thì Mít đã cho trái và người dân đã có thu nhập - Tỷ lệ cây sống cao như ở Đức Chính, Trà Tân, Đức Hạnh. Khi Mít đang ở giai đoạn mới trồng thì gặp thời tiết nắng nóng kéo dài làm tỷ lệ cây bị chết nhiều như ở Mê Pu, Đông Hà. - Mít nghệ thích nghi tốt với thổ dưỡng của Đức Linh. Tuy nhiên mô hình này chưa thu hút cộng đồng vì giá Mít bán ra không cao trong khi đó chi phí đầu tư cao hơn mít địa phương.
Nấm đối kháng trên cây tiêu (2010: Đức Hạnh 20 hộ, 2012: Đức Hạnh: 1 hộ, Vũ Hòa: 1 hộ, 2013: Đa Kai: 2 hộ, 2014: Đa Kai: 1	2010-6/2014	27 hộ	12,4 ha	Đức Hạnh Vũ Hòa Trà Tân Đông Hà Đa Kai	- Hộ nấm được qui trình ủ nấm Trichoderma với phân hữu cơ. - Hạn chế bệnh chết nhanh chết chậm trên cây tiêu. - Tăng khả năng chống chịu cho cây tiêu. - Môi trường đất trồng tiêu được cải thiện nhờ vào nguồn	- Hộ đã tiến hành được qui trình ủ nấm với phân hữu cơ bón cho cây, giảm bón phân hóa học. - Tỷ lệ cây chết do bệnh chết nhanh chết chậm năm sau giảm so với năm trước trung bình là 50%-70% - Hầu hết các hộ tăng năng suất

hộ, Đông Hà: 1 hộ, Trà Tân: 1 hộ)					phân hữu cơ và nấm. - Tăng 30% năng suất so với vụ trước.	trên mong đợi 45%.
Thâm canh cây khố qua	2011	2 hộ	4 sào	Đức Tín, Trà Tân	- Hạn chế ruồi đục quả bằng việc sử dụng chế phẩm sinh học Vizubon-D. - Khuyến khích người dân sử dụng phân hữu cơ hạn chế sử dụng phân hóa học	- Người dân đã biết cách làm bẫy thủ công để tiêu diệt ruồi đục quả và qua thực tế đã thấy hạn chế được ruồi đục quả tấn công vườn khố quan nên năng suất của hộ tăng 36% so với hộ bên ngoài. (Hộ MH thu được 3.000 kg/sào, hộ bên ngoài là 2.200 kg/sào, chênh lệch 800 kg/sào).
Thâm canh cây Mỳ (2012: Đông Hà 1 hộ, Trà Tân 2 hộ, 2013: Đức Tín 2 hộ)	2012-2013	5 hộ	1.8 ha	Đông Hà Trà Tân Đức Tín	-Ngăn ngừa bệnh chổi rồng. -Tăng hàm lượng đường và tinh bột trong củ Mỳ. (tăng năng suất) bằng chế phẩm Mosharp 15SL.	-Năng suất tăng 427 kg/sào so với hộ bên ngoài. -Người dân đã biết dùng nước vôi pha với tỷ lệ 5% để ngăn ngừa bệnh chổi rồng, kết hợp với chế phẩm sinh học Mosharp để tăng năng suất.
Thâm canh cây lúa (2012: Mê Pu 4 hộ, 2013: Đức Chính 2 hộ)	2012-2013	6 hộ	3 ha	Mê Pu Đức Chính	- Sử dụng chế phẩm sinh học Dasvila có chứa vi khuẩn cộng sinh trong cây lúa giúp phân giải lân khó tan thành lân dễ tan	-Lúa ít bị nhiễm bệnh hơn, không thấy có hiện tượng ngộ độc hữu cơ, lượng phân bón giảm, thuốc bảo vệ thực vật nên chi phí sản

					<p>nên tiết kiệm được 70% lân, ngoài ra giúp bộ rễ phát triển mạnh hấp thu dinh dưỡng trong đất nên tiết kiệm được phân bón do đó giảm chi phí sản xuất nông nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng suất tăng thêm 200 kg/ha so với đối chứng 	<p>xuất có phần giảm hơn so với đối chứng. Cụ thể ở Mepu chi phí trung bình giảm 700 ngàn/sào và ở Đức Chính giảm 145 ngàn /sào so với đối chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng suất lúa ở Mepu tăng 141 kg/ha và Đức Chính không tăng so với ruộng làm đối chứng cùng thời điểm vì khi lúa vào chắc thì ở Mepu bị thiếu nước còn Đức Chính bị đổ ngã nên năng suất không như mong đợi.
Thâm canh cây Điều	2012	3 hộ	2 ha	Đa Kai	<ul style="list-style-type: none"> - Nông dân nắm bắt được kỹ thuật xử lý ra hoa, rụng lá đồng loạt. - Bọ xít muỗi đồ giảm 70-80%. - Năng suất dự kiến đạt 170 kg/sào 	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ đã xử lý rụng lá đạt 90%. Xử lý ra hoa đồng loạt đạt 85%. - Vào giai đoạn bông nở và tạo quả trời mưa nhiều nên làm bông khô và rụng trái, nên năng suất thu được chỉ đạt 141 kg/sào.
Trồng cây lồng mức	2010-2013	80 hộ	40.500	Đa Kai Đức Hạnh Đông Hà, Trà Tân	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo nguồn nguyên liệu cho chương trình nhang trong tương lai. - Góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số cây sống và phát triển cho đến nay là 26300 cây, đạt tỷ lệ 64,5% - Vẫn tiếp tục theo dõi và trồng mới vào năm 2014.

b. Chăn nuôi						
Vịt xiêm thịt (2010: Mê Pu 5 hộ, 2011: Sùng Nhơn và Mê Pu 2 hộ)	2010-2011	7 hộ	140 con		<ul style="list-style-type: none"> - Hộ nuôi áp dụng qui trình chăm sóc và nuôi dưỡng, đưa quy trình kỹ thuật mới vào nuôi. (Chuồng úm, chuồng nhốt, sân chơi, máng ăn, máng uống, vệ sinh thú y, phòng và điều trị bệnh trên vịt) - Giảm tỉ lệ hao hụt, mang lại hiệu quả kinh tế nông hộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ nuôi đã biết và thực hiện đúng quy trình, đã tự mình phát hiện và chủ động phòng ngừa một số bệnh như dịch tả, viêm gan, tụ huyết trùng trên đàn vịt nuôi - Sau 4-5 tháng nuôi, bình quân vịt đạt 2,2 kg/con và hao hụt 15% trên tổng đàn so với trước khi hộ tự nuôi thì hao hụt từ 20-50% trên tổng đàn.
Vịt thịt (Mỗi xã 5 hộ)	2010	15 hộ	450 con	Đức Tín Đa Kai Sùng Nhơn	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ khó khăn áp dụng qui trình chăm sóc, nuôi dưỡng. - Tăng thêm nguồn thu nhập cho hộ. - Tận dụng được nguồn thức ăn dư thừa, phế phẩm nông nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sau 3 tháng nuôi có 80% hộ nuôi biết các thao tác chủng ngừa, trị bệnh cho vịt. Bình quân mỗi hộ lời 842.000đ/ 30 con.
Máy ấp trứng gia cầm (2010: Đức Hạnh, Vũ Hòa 1 hộ, 2012: Mê Pu 1 hộ)	1010 - 2012	3 hộ	3 cái	Đức Hạnh Vũ Hòa Mê Pu	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo việc làm cho nông hộ - Tạo nguồn con giống tại địa phương, có nguồn gốc rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi năm cung cấp cho cộng đồng 30 000 con giống với giá thấp hơn so với thị trường 1000đ – 2000đ/ con. Người dân trong cộng đồng có nguồn gà rõ nguồn gốc tại địa phương vì đã được quản lý dịch bệnh theo quy trình.

Gà thả vườn: (2010: 7 hộ/550 con, 2011: 36 hộ/1800 con, 2012: 5 hộ/250 con, 2013: 15 hộ/3000 con, 6/2014: 6 hộ/285 con	2010 - 6/2014	69 hộ	5885 con	Đa Kai Sùng Nhơn Mê Pu Võ Xu Vũ Hòa Đức Chính Trà Tân Đông Hà	- Tăng thu nhập, lời từ 320.000 - 450.000/50 con - Nông dân nắm được kỹ thuật tiêm ngừa, cách phòng bệnh trong chăn nuôi gà áp dụng cho gia đình.	-Hộ lời từ 800.000đ- 1.200.000đ so với kế hoạch, có 2 hộ lỗ ở Đông Hà và Mê Pu với số tiền lỗ 1.389.000 đồng. - Người dân thực hiện được các thao tác tiêm ngừa trên gà , cách phát hiện và phòng ngừa một số bệnh như gumboro, cầu trùng, dịch tả, tụ huyết trùng... - Tỷ lệ hao hụt giảm đáng kể từ 10-20% so với trước kia hộ chưa biết kỹ thuật thì tỉ lệ hao hụt từ 20-40% trên tổng đàn.
Vịt xiêm sinh sản	2011	2 hộ	40 con	MePu	- Xây dựng mô hình vịt xiêm để tạo nguồn giống tại chỗ.	- Sau 24 tháng nuôi đã cung cấp cho cộng đồng tại địa phương được 1800 con giống.
Bò câu Pháp sinh sản	2012	5 hộ	15 cặp	Đức chính Sùng nhơn Mê Pu	- Tăng mô hình mới cho nông hộ - Tận dụng công lao động, dễ nuôi. - Góp phần tăng thu nhập cho gia đình	- Thị trường đầu ra của bò câu còn hạn chế, nên người dân ít quan tâm. - Khó tăng đàn do bò câu áp không đạt vì điều kiện chuồng nuôi không phù hợp. Mô hình không có hiệu quả phát triển kinh tế nên không tiếp tục.

Vịt siêu thị	2012	2	100 con	Võ Xu Đa Kai	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng nguồn thu nhập để cải thiện kinh tế cho nông hộ. - Sử dụng nguồn thức ăn và phụ phẩm nông nghiệp có tại địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ nuôi nắm được quy trình kỹ thuật như tiêm ngừa vaccin phòng các bệnh cúm, dịch tả, tụ huyết trùng trên vịt. Tuy nhiên sau 2 tháng nuôi vịt bị viêm gan Dự án đã hỗ trợ kỹ thuật và thuốc điều trị bệnh nhưng hao hụt 80% nên kết thúc mô hình. - Hộ nuôi lỗ 2.8 triệu đồng trong đó Dự án hỗ trợ 2,6 triệu đồng.
Thỏ sinh sản	2012	1 hộ	16 con	Đa Kai	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng thêm thu nhập cải thiện kinh tế cho gia đình. - Tận dụng thức ăn sẵn có tại địa phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Qua sự hỗ trợ của dự án, hộ nuôi đã nhận biết được một số bệnh thường gặp ở thỏ và cách phòng trị. - Xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh, sát trùng chuồng trại nhằm hạn chế bệnh cho thỏ trong quá trình nuôi. - Giống thỏ sinh sản ít, nuôi con không hiệu quả, không có vaccin chủng ngừa nên chết hàng loạt. Hộ nuôi không có lời nên không tiếp tục.

Đệm lót trên gà (2013: 6 hộ, 6/2014: 3 hộ)	2013- 6/2014	9	10m2- 35m2/ hộ	Mê Pu Đức Chính Võ Xu Vũ Hòa Trà Tân	- Giảm mùi hôi trong chăn nuôi gà, cải thiện môi trường bị ô nhiễm ở khu chăn nuôi đông dân cư sinh sống. - Giảm công lao động thay chất độn chuồng.	- Sau 3 tháng nuôi giảm được mùi hôi đáng kể như không còn ngửi thấy mùi nồng của phân gà trong chuồng, tuy nhiên có 2 hộ/9 hộ thực hiện mô hình chưa đạt. - Hộ Nguyễn Thị Kính xã Đức Chính, hộ Trần Thị Tân xã Vũ Hòa chưa đảo chất độn chuồng đúng định kì nên vẫn còn mùi hôi. - Giảm được 4 công dọn vệ sinh và 140.000 tiền mua chất độn chuồng trong 3 tháng nuôi. - Mô hình có lợi cho môi trường chăn nuôi vì vậy tiếp tục khuyến khích bà con duy trì.
Vịt siêu thịt	2013	1 hộ	100 con	Võ Xu	- Hộ nuôi nắm được qui trình kỹ thuật tiêm ngừa, lịch tiêm ngừa. - Hạn chế tỷ lệ vịt chết	- Hộ nắm được kỹ thuật mới như tiêm ngừa vaccin phòng các bệnh cúm, dịch tả, tụ huyết trùng trên vịt mà trước đây hộ chưa thực hiện, do vậy trong quá trình chăn nuôi vịt hộ nuôi đã hạn chế được tỉ lệ hao hụt từ 50% giảm còn 10-15%.. Hộ nuôi có lời 4.368.000 đồng.

Ủ thức ăn lên men cho heo bằng men vi sinh NN1	2014	6 hộ	26 con	Vũ Hòa Đức Hạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm mùi hôi trong chăn nuôi heo, hạn chế ô nhiễm môi trường xung quanh. - Sử dụng thức ăn sẵn có ở địa phương như bắp, cám, bột mì để tăng lợi nhuận hơn so với nuôi cám tổng hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ nuôi thực hành và làm được kỹ thuật ủ lên men làm chín thức ăn cho heo, hạn chế mùi hôi từ chất thải. - Kết quả thí điểm cho thấy mỗi con heo chi phí thức ăn từ cám ủ men vi sinh NN1 thấp hơn 500.000 đồng so với chi phí nuôi cám hỗn hợp. Đây là mô hình rất thích hợp cho hộ khó khăn chăn nuôi.
Heo	2012	2 hộ	2 heo nái	Vũ Hòa	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng thêm mô hình cho hộ nhằm tăng nguồn thu nhập cải thiện kinh tế gia đình. - Thay đổi tập tính chăn nuôi cũ, lạc hậu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Qua mô hình hộ nuôi đã thay đổi nhận thức về việc chăn nuôi heo nái sinh sản: Học được cách chăm sóc heo con sơ sinh, thời gian tiêm chủng, tiêm ngừa được các loại vaccin cho heo mẹ như phòng 3 bệnh đỏ, lở mồm long móng mà trước đây chưa thực hiện. - So với trước khi hộ làm mô hình giảm tỉ lệ hao hụt heo con sau cai sữa, tăng hiệu quả kinh tế từ 2-4 triệu đồng trên năm.